

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP



**CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT**

**QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN
HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY**

QT-09-03



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN
HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

TTP-QT-09-03

Lần ban hành: 04

Ngày ban hành: 20/10/2021

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU

Sửa đổi	Tóm lược hiệu chỉnh
Lần 1	- Bổ sung thông tin về tiêu chuẩn chứng nhận và số lượng nhân viên khách hàng trong Biểu mẫu yêu cầu chứng nhận sản phẩm phương thức 5 (BM-QT-09-03-01); - Bổ sung thông tin người đánh giá và nội dung lấy mẫu trong Biểu mẫu kế hoạch đánh giá (BM-QT-09-03-04); - Sửa đổi, bổ sung và tách Ghi chép đánh giá và Báo cáo đánh giá riêng biệt (BM-QT-09-03-08 và BM-QT-09-03-09); - Bổ sung Biểu mẫu Báo cáo hành động khắc phục (BM-QT-09-03-10); - Sửa đổi phòng lưu trữ hồ sơ đánh giá từ Phòng NV sang Phòng QLCL;
	- Thay đổi thứ tự các biểu mẫu cho khớp thứ tự thực hiện quá trình đánh giá; - Căn chỉnh lại văn bản.
Lần 2	- Bổ sung một số biểu mẫu: • Chương trình đánh giá • Thông báo đánh giá giám sát • Thông báo kết quả đánh giá giám sát • Quyết định đình chỉ chứng nhận • Quyết định thu hồi chứng nhận - Bổ sung, chỉnh sửa một số biểu mẫu cũ - Căn chỉnh lại văn bản

Lần 3	- Bổ sung, điều chỉnh lại một số biểu mẫu: • Tem niêm phong BM-QT-09-03-31 • Quy định sử dụng dấu BM-QT-09-03-32 • Chính sửa một số nội dung trong Ghi chép đánh giá tại BM-QT-09-03-12 • Phiếu bàn giao mẫu và yêu cầu thử nghiệm BM-QT-09-03-17 • Báo cáo đánh giá mẫu thử nghiệm BM-QT-09-03-18 • Bổ sung, chỉnh sửa một số biểu mẫu cũ - Căn chỉnh lại văn bản
-------	---

Chức danh	Duyệt Giám đốc	Kiểm tra QMR	Soạn Nhân viên
Ký tên			
Họ và tên	Nguyễn Thị Hằng	Lê Thị Hải Anh	Dương Thị Hà

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích và phạm vi áp dụng

1.1. Mục đích: Quy định và hướng dẫn quá trình Chứng nhận hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017.

1.2. Phạm vi áp dụng: Quy trình này áp dụng cho hoạt động chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.

Danh sách phổ biến quy trình:

- Phòng Kỹ thuật;
- Phòng Kinh doanh;
- Phòng Chứng nhận;
- Ban Giám đốc.

2. Bên soạn và soát xét phê duyệt:

- Văn bản này do nhân viên được phân công biên soạn, Phó phòng kỹ thuật soát xét và Giám đốc Công ty phê duyệt ban hành.
- Việc biên soạn, soát xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tài liệu này tuân theo Quy trình kiểm soát tài liệu (QT-01).

II. ĐỊNH NGHĨA, VIẾT TẮT VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

1. Định nghĩa và từ viết tắt

- Đưa ra thị trường Việt Nam: là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm dệt may thực hiện hành vi mua bán, trao đổi, tiếp thị với tổ chức, cá nhân khác.
- Vật liệu dệt: là các loại xơ, sợi tự nhiên hoặc nhân tạo.
- Sản phẩm dệt may: là sản phẩm có nguồn gốc từ vật liệu dệt đã qua các công đoạn gia công (sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải không dệt, vải tráng phủ, vải giả da tổng hợp, các sản phẩm sản xuất từ sản phẩm nêu trên tùy thuộc vào mục đích sử dụng) hoặc là sản phẩm dệt may có cùng nguyên liệu, kiểu dệt, quy trình xử lý hoàn tất và được sản xuất tại cùng một cơ sở.
- Lô hàng hóa đăng ký công bố hợp quy: là tập hợp các mặt hàng dệt may đăng ký công bố hợp quy trong cùng một đợt.
- Mẫu ngẫu nhiên: là mẫu được lấy ngẫu nhiên từ một mặt hàng trong lô hàng hóa đăng ký công bố hợp quy.
- Mẫu đại diện: là tập hợp các mẫu ngẫu nhiên của lô hàng hóa đăng ký công bố hợp quy đảm bảo tính đại diện cho lô hàng hóa đăng ký công bố hợp quy.
- TTP: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;
- SP: Sản phẩm;
- PCN: Phòng chứng nhận;
- PKT: Phòng Kỹ thuật;
- PKD: Phòng Kinh doanh;

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- CNSP: Chứng nhận sản phẩm;
- CVNV: Chuyên viên Nghiệp vụ của TTP;
- CGDG: Chuyên gia đánh giá CNSP của TTP;
- TPCN: Trưởng phòng chứng nhận;
- PT5: Phương thức 5;
- PT7: Phương thức 7;
- PTN: Phòng thử nghiệm.

2. Tài liệu tham khảo

- Sổ tay chất lượng TTP-STCL;
- Quy định đánh giá chứng nhận sản phẩm – TTP-QD-03;
- Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23/10/2017 của Bộ Công Thương ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may”;
- TCVN 7421-1:2013, Vật liệu dệt - Xác định formaldehyt - Phần 1: Formaldehyt tự do và thủy phân (phương pháp chiết trong nước);
- ISO 24362-1:2014, Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - Phần 1: Phát hiện việc sử dụng các chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 1: Detection of the use of certain azo colorants accessible with and without extracting the fibres);
- ISO 24362-3:2014, Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - Phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzene (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 3: Detection of the use of certain azo colorants, which may release 4-aminoazobenzene);
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN Quy định về Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Phân loại và yêu cầu

3.1. Sản phẩm dệt may chia làm 03 nhóm:

- *Nhóm số 01:* Sản phẩm dệt may cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi; hoặc có chiều dài ≤ 100 cm đối với bộ liền.
- *Nhóm số 02:* Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da: là sản phẩm khi sử dụng có bề mặt sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với da của người sử dụng.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

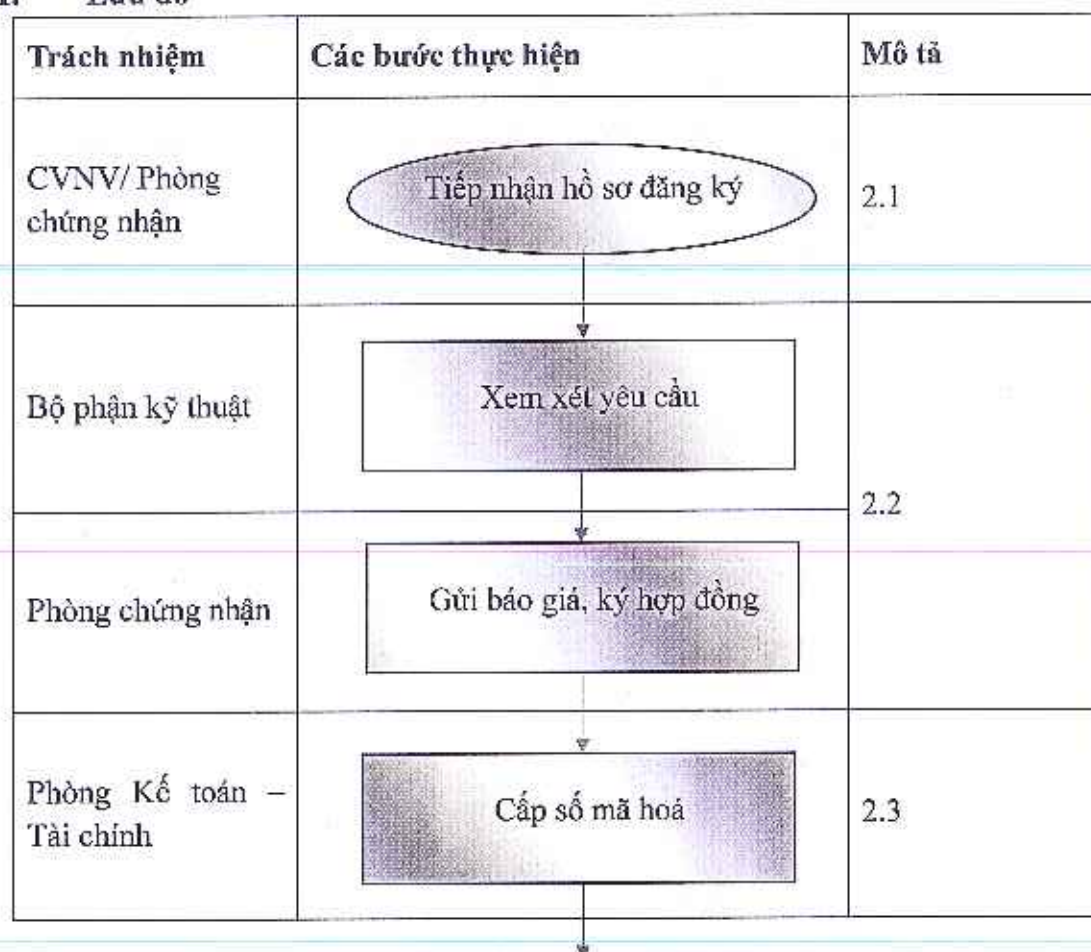
- *Nhóm số 03*: Sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da: là sản phẩm khi sử dụng có bề mặt sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với da của người sử dụng.
- 3.2. Sản phẩm dệt may trước khi đưa ra thị trường Việt Nam phải đáp ứng mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo. Chi tiết quy định cụ thể (Trích dẫn từ mục 2.1 Mức giới hạn hàm lượng quy định tại QCVN 01:2017/BCT).
- Quy định hàm lượng formandehyt:

Nhóm sản phẩm	Hàm lượng formandehyt tối đa (mg/kg)
<i>Nhóm số 01</i>	30
<i>Nhóm số 02</i>	75
<i>Nhóm số 03</i>	300

- Quy định hàm lượng các amin thơm:
- Hàm lượng mỗi amin thơm không được vượt quá 30 mg/kg.

III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

1. Lưu đồ



QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

Giám đốc/ Người được uỷ quyền	Chỉ định PIN và Thành lập đoàn đánh giá	2.4
Trưởng đoàn đánh giá	Đánh giá hệ thống tài liệu	2.5
Trưởng đoàn đánh giá	Lập kế hoạch đánh giá và lấy mẫu	2.6
Đoàn đánh giá	Chuẩn bị đánh giá	2.7
Đoàn đánh giá	Đánh giá tại cơ sở	2.8
Đoàn đánh giá	Mã hoá mẫu và Bàn giao thử nghiệm	2.9
Đoàn đánh giá	Thăm xét hành động khắc phục và đánh giá kết quả thử nghiệm	2.10
Đoàn đánh giá	Hoàn thiện hồ sơ chứng nhận	2.11

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

Bộ phận Kỹ thuật – Ban thẩm xét	Thẩm xét hồ sơ chứng nhận	2.12
Trưởng đoàn đánh giá	Dự thảo GCN, xác nhận thông tin GCN	2.13
Giám đốc/ Người được ủy quyền	Ký quyết định và giấy chứng nhận	2.14
Phòng Chứng nhận	Trao quyết định và giấy chứng nhận	2.15
Phòng Kỹ thuật	Lưu hồ sơ chứng nhận	2.16
Phòng Chứng nhận	Chăm sóc và quản lý Khách hàng	2.17
Phòng Kỹ thuật	Đánh giá và giám sát định kỳ	2.18
Phòng Kỹ thuật	Lưu hồ sơ	2.19

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

2. Diễn giải lưu đồ

2.1. Tiếp nhận yêu cầu

- a. Tiếp nhận yêu cầu và xem xét Hồ sơ đăng ký CNSP.
- b. Xác định phương thức Chứng nhận và các yêu cầu khác:
 - Phương thức 5: Cho sản phẩm sản xuất trong nước;
 - Phương thức 7: Cho lô sản phẩm.
- c. Hồ sơ bắt buộc đối với SP sản xuất trong nước (PT5):
 - Yêu cầu chứng nhận **BM01-QT-09-03**;
 - Danh sách các sản phẩm đăng ký chứng nhận;
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm;
 - Kế hoạch kiểm soát chất lượng sản xuất;
 - Quy trình sản xuất;
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất;
 - Cơ cấu tổ chức, sơ đồ khu vực sản xuất.
- d. Hồ sơ bắt buộc đối với lô SP (PT7):
 - Yêu cầu chứng nhận **BM02-QT-09-03**;
 - Hợp đồng lô hàng (Contract);
 - Hóa đơn lô hàng (Invoice);
 - Danh mục hàng hóa (Packing list);
 - Vận đơn (Bill of lading);
 - Tờ khai Hải quan.
- e. Chuyển Bộ phận kỹ thuật - Phòng Kỹ thuật xem xét yêu cầu:
 - Với PT5: Bắt buộc xem xét yêu cầu với từng vụ việc.
 - Với PT7:
 - Nếu sản phẩm đã từng được TTP chứng nhận thì tiến hành cấp số mã hóa hồ sơ.
 - Nếu sản phẩm mới lần đầu chứng nhận phải báo cáo và chuyển toàn bộ hồ sơ yêu cầu cho Bộ phận kỹ thuật - Phòng Kỹ Thuật để xem xét trước khi tiếp nhận và cấp số mã hóa hồ sơ.

2.2. Xem xét yêu cầu

- a. Bộ phận kỹ thuật – Phòng Kỹ thuật xem xét hồ sơ đăng ký theo các yêu cầu:
 - Đối với PT5: Sử dụng biểu **BM03-QT-09-03**;
 - Đối với PT7: Sử dụng biểu **BM04-QT-09-03**.
- b. Sau khi xem xét, trường hợp khách hàng đủ điều kiện, TTP đủ năng lực thì phản hồi PKD, PCN tiến hành báo giá, tiếp nhận và ký hợp đồng.
- c. Trình kết quả xem xét cho Trưởng/Phụ trách PKT phân công thực hiện.

2.3. Cấp số mã hóa

- CVNV/PKD/PCN xin cấp số mã hóa hồ sơ tại Phòng Kế toán – Tài chính theo quy định tại Quy định về cấp số tại **TTP-QT-02** Quy trình kiểm soát và mã hóa hồ sơ để vào sổ đăng ký tiếp nhận cho khách hàng.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

2.4. Chỉ định PTN và thành lập đoàn đánh giá

a. Chỉ định PTN:

- Sau khi xem xét các yêu cầu về thử nghiệm (trên cơ sở Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Thông tư, Quy định riêng, ...) và căn cứ năng lực thử nghiệm của PTN (của TTP hoặc thầu phụ), Phòng Kỹ Thuật đề xuất Quyết định chỉ định PTN **BM05-QT-09-03** trình Lãnh đạo phê duyệt và gửi đến PTN, khách hàng liên quan đồng thời thông tin cho PTN biết dự kiến thời gian gửi mẫu (nếu có thể).
- PTN bên ngoài (nhà thầu phụ) sẽ phải được đánh giá lựa chọn theo quy định của TTP; và chỉ cần chỉ định lần đầu. Khi có sự thay đổi, sẽ thực hiện việc chỉ định lại.

b. Thành lập đoàn đánh giá

- Sau khi nhận xem xét và đề xuất chuyên gia đánh giá phù hợp, CVNV phụ trách công việc của PKT lập Quyết định thành lập đoàn đánh giá **BM06-QT-09-03** gửi PKT.
- PKT soát xét nội dung, ký nháy và trình Giám đốc/ Người được ủy quyền phê duyệt.

2.5. Đánh giá hệ thống tài liệu (Chỉ áp dụng đối với PT5)

- Trưởng đoàn đánh giá tổ chức xem xét hệ thống hồ sơ, tài liệu do khách hàng cung cấp trên cơ sở các chuẩn mực đánh giá (yêu cầu chứng nhận) như: văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng, ...
- Kết quả đánh giá được ghi nhận vào **BM07-QT-09-03** Báo cáo đánh giá hệ thống tài liệu và báo cáo cho Trưởng/Phụ trách phòng Kỹ Thuật và thông báo cho CVNV/PKD/PCN. Nếu hệ thống tài liệu có nhiều khiếm khuyết thì yêu cầu khách hàng bổ sung/sửa đổi trước khi đánh giá tại hiện trường.

2.6. Lập kế hoạch đánh giá và lấy mẫu

- Sau khi quyết định thành lập đoàn đánh giá được phê duyệt và đánh giá hệ thống tài liệu đủ điều kiện (Áp dụng đối với PT5).
- Trưởng đoàn đánh giá lập Kế hoạch đánh giá và lấy mẫu gửi khách hàng:
 - **BM08-QT-09-03** Kế hoạch đánh giá và lấy mẫu theo PT5;
 - **BM09-QT-09-03** Kế hoạch đánh giá và lấy mẫu theo PT7.
- Đoàn đánh giá gửi kèm **BM10-QT-09-03** Xác nhận kế hoạch đánh giá để khách hàng để dành phản hồi các nội dung đã thống nhất trong kế hoạch. Trong trường hợp khách hàng sử dụng cách thức xác nhận khác như điện thoại, email hoặc không xác nhận trước 05 ngày (đối với PT5) và 03 ngày (đối với PT7), TTP vẫn chấp nhận và tiến hành công việc theo hợp đồng ký kết.

2.7. Chuẩn bị đánh giá

- Căn cứ Kế hoạch đánh giá, Đoàn đánh giá chuẩn bị có thể bao gồm các nội dung sau:

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- Phương tiện đi lại, trang thiết bị, dụng cụ, niêm phong, ... phục vụ việc lấy mẫu;
- Các chuẩn mực đánh giá cần thiết (văn bản pháp luật, Tiêu chuẩn/Quy chuẩn, ...);
- Các biểu mẫu liên quan;
- Việc lấy mẫu tuân theo Tiêu chuẩn/văn bản về lấy mẫu và/hoặc quy định riêng.

2.8. Đánh giá tại cơ sở

- a. **Đối với PT5:** Tùy thuộc kế hoạch đánh giá, đoàn đánh giá thực hiện các nội dung cần thiết có thể bao gồm các nội dung sau:
- **Bước 1 – Kiểm tra hồ sơ:** Kiểm tra các chi tiết trong hồ sơ có khớp với nhau không: Bao gồm tên tổ chức sản xuất, sản phẩm
 - **Bước 2 – Khảo sát thực tế nhà máy sản xuất.**
 - **Bước 3 – Xác định, kiểm tra hàng hóa:**
 - Ngoại quan hàng hóa: Đặc tính, dấu hiệu nhận biết sản phẩm dệt may, ngoại hình, tính chất hàng hóa;
 - Nhãn mác, ctyket gắn trên sản phẩm dệt may.
 - **Bước 4 – Thu thập thông tin tại chỗ và Lấy mẫu kiểm tra:** Đáp ứng các yêu cầu tại 2.8.3 Yêu cầu đối với lấy mẫu và lưu trữ mẫu đại diện.
 - **Bước 5 – Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất**
 - Lập danh sách tham dự cuộc đánh giá **BM11-QT-09-03** xác nhận các nhân sự tham gia cuộc đánh giá;
 - Chuyên gia đánh giá phải ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình đánh giá vào Ghi chép đánh giá CNHQ sản phẩm dệt may **BM12-QT-09-03**;
 - Thông báo lỗi sai phát hiện nếu có trong quá trình đánh giá cho nhà sản xuất theo biểu mẫu **BM12-QT-09-03** Báo cáo hành động khắc phục, thời hạn khắc phục tối đa 02 tháng. Sau khi khắc phục, tổ chức sản xuất gửi báo cáo khắc phục về TTP để kiểm tra lại.
 - **Bước 6 – Hoàn tất thủ tục đánh giá:**
 - Lập biên bản kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu **BM14-QT-09-03**;
 - Sử dụng mẫu tem niêm phong theo **BM31-QT-09-03**;
 - Lập báo cáo đánh giá CNSP **BM15-QT-09-03**;
 - Hợp kết thúc cuộc đánh giá.
- b. **Đối với PT7**
- **Bước 1 – Kiểm tra hồ sơ:** Khi nhận được thông tin từ CVNV, CGDG kiểm tra các chi tiết trong hồ sơ có khớp với nhau không, bao gồm: Tổ chức/cá nhân, tên sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, xuất xứ, nhà sản xuất, hợp đồng, hóa đơn, vận đơn, tờ khai hải quan, tên tàu, số Container, số lô, số lượng theo khai báo, quy cách đóng gói, bao bì, v.v.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- **Bước 2 – Xác định hàng hóa:** Xác định lô hàng có đúng như trong hồ sơ đăng ký hay không. Xác định thông qua:
 - Số container chứa hàng (nếu hàng bảo quản trong container). Ghi nhận, chụp ảnh số container, số chỉ niêm phong, giữ chỉ sau cắt làm bằng chứng.
 - Ngoại quan hàng hóa: Đặc tính, dấu hiệu, ngoại hình, tính chất hàng hóa.
 - Nhãn mác, etyket gắn trên sản phẩm.
- **Bước 3 – Kiểm tra ngoại quan:** Kiểm tra hình thức, tình trạng bảo quản hàng hóa, ghi nhận:
 - Hàng được bảo quản tại đâu, tình trạng khu vực bảo quản, cách xếp hàng, giữ hàng, đóng hàng...
 - Môi trường bảo quản: Độ ẩm, độ thoáng, xung quanh hàng hóa có những gì...
- **Bước 4 – Kiểm tra hàng hóa:** Kiểm tra trực tiếp hàng hóa, ghi nhận:
 - Số lượng, khối lượng thực kiểm hàng hóa: Ghi rõ phương pháp xác định do đếm, cân, xác định trên etyket ...
 - Thông tin thực tế hàng hóa kiểm tra: Ngoại hình, tình trạng, hàng hóa có còn nguyên niêm phong hay không ...
 - Kiểm tra các chi tiết xung quanh hàng hóa để làm căn cứ xác định.

**Lưu ý: Thông báo ngay lập tức về Trưởng/Phụ trách PKT và khách hàng, các bên liên quan nếu có sự không phù hợp giữa thực tế lô hàng và hồ sơ.*
- **Bước 5 – Lấy mẫu kiểm tra:**
 - Đáp ứng các yêu cầu tại 2.8.3 Yêu cầu đối với lấy mẫu và lưu trữ mẫu đại diện;
 - Mẫu được lấy phải là các sản phẩm nằm trong danh mục nhóm sản phẩm quy định tại QCVN 01:2017/BCT.
- **Bước 6 – Hoàn tất thủ tục đánh giá hiện trường:** Lập biên bản kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu **BMI4-QT-09-03**.
- c. **Yêu cầu đối với lấy mẫu và lưu trữ mẫu đại diện**
- **Yêu cầu chung:**
 - Mẫu ngẫu nhiên phải do chính CGDG của TTP chọn và trực tiếp lấy mẫu;
 - Mẫu lấy phải đủ cho Thử nghiệm và lưu mẫu;
 - Niêm phong mẫu phải sử dụng niêm phong của TTP;
 - Nếu sản phẩm dệt may được cấp nhãn sinh thái thì không cần lấy mẫu thử nghiệm Formandehyt và Amin thơm.
- d. **Quy cách mẫu:**
- Mẫu được lấy phục vụ thử nghiệm không được dính bẩn (dầu, mỡ, bụi ...):
 - Đối với vải: Chiều dài mẫu 0,5 (không phải năm) m; chiều rộng là cả khổ vải và cách đầu tấm vải ít nhất bằng chu vi của cuộn vải.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- Đối với sản phẩm là thảm, rèm, đệm giường, đệm sofa, ghế và sản phẩm đặc thù có bề mặt làm bằng vật liệu dệt, da tổng hợp: Lấy mẫu sản phẩm từ lô hàng hoặc mẫu vật liệu dệt để sản xuất các sản phẩm trên được cung cấp kèm theo sản phẩm.
 - **Số lượng mẫu:**
 - Đối với vải: Mỗi màu/ mỗi loại lấy 01 bộ mẫu. Bộ mẫu gồm ít nhất 02 mẫu để lưu và thử nghiệm, với trường hợp khách hàng cần lưu lấy 03 mẫu.
 - Đối với sản phẩm may là thảm, rèm, đệm giường, đệm sofa, ghế và sản phẩm đặc thù có bề mặt làm bằng vật liệu dệt, da tổng hợp: Mỗi màu/ mỗi loại lấy 01 sản phẩm hoặc 01 bộ mẫu vật liệu. Bộ mẫu gồm ít nhất 02 mẫu để lưu và thử nghiệm, với trường hợp khách hàng cần lưu lấy 03 mẫu.
 - **Bảo quản mẫu:** Mẫu được bao gói trong túi hoặc màng polyetylen và bảo quản trong điều kiện thích hợp để không ảnh hưởng tới bản chất ban đầu của mẫu và được niêm phong theo quy định của TTP.
 - **Thời điểm lấy mẫu:** Mẫu được lấy vào thời điểm phù hợp và đảm bảo nguyên tắc hàng hóa trước khi đưa ra tiêu thụ trên thị trường.
 - **Lưu mẫu:** Mẫu được lưu theo từng vụ, từng lô hàng, thời gian lưu mẫu 12 tháng kể từ ngày cấp Chứng nhận, trường hợp không có tranh chấp, khiếu nại xảy ra, mẫu sẽ được hủy.
- 2.9. Mã hóa mẫu và bàn giao mẫu thử nghiệm**
- **Mã hóa mẫu:** Mẫu thử nghiệm trước khi gửi PTN được chỉ định phải được mã hóa lại để đảm bảo tính bảo mật, khách quan trong quá trình thử nghiệm mẫu:
 - Đoàn đánh giá thực hiện mã hóa mẫu gửi PTN bằng cách sử dụng tem niêm phong khác của TTP thay thế cho tem niêm phong được dán khi lấy mẫu thử nghiệm;
 - Bảng chứng mã hóa mẫu được ghi nhận trong Phiếu mã hóa mẫu thử nghiệm biểu **BM16-QT-09-03**.
 - **Bàn giao mẫu thử nghiệm:** Đoàn đánh giá bàn giao mẫu thử nghiệm cho PTN đã được chỉ định theo biểu **BM17-QT-09-03** Phiếu bàn giao mẫu và yêu cầu thử nghiệm.
- 2.10. Thẩm xét hành động khắc phục và đánh giá kết quả thử nghiệm**
- a. Thẩm xét hành động khắc phục:**
- Tuỳ thuộc vào tính chất, mức độ của sự KPII đã phát hiện, thời gian yêu cầu khắc phục, Trường đoàn đánh giá tổ chức việc thẩm xét HĐKP trên cơ sở hồ sơ khách hàng gửi kết hợp kiểm tra hiện trường (nếu cần);
 - Nếu HĐKP của khách hàng không đáp ứng đầy đủ được yêu cầu thì tuỳ trường hợp Trường đoàn đánh giá sẽ quyết định gia hạn/lập yêu cầu HĐKP mới/dừng hoạt động chứng nhận và ra thông báo đến khách hàng và có trách nhiệm báo cáo cho Trường/Phụ trách Phòng Kỹ thuật.
- b. Đánh giá KQTN mẫu:**

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- Căn cứ yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm và KQTN của PTN được chỉ định. Trưởng đoàn đánh giá thẩm xét về sự phù hợp của sản phẩm theo biểu **BM18-QT-09-03** Báo cáo đánh giá mẫu thử nghiệm.
- Trường hợp mẫu thử nghiệm không phù hợp, Đoàn đánh giá dự thảo **BM19-QT-09-03** Thông báo KQTN không phù hợp báo cáo Trưởng/Phụ trách phòng Kỹ Thuật trình Giám đốc/ Người được ủy quyền phê duyệt. Kết quả thử nghiệm mẫu điển hình lần 1 là cơ sở đánh giá lô hàng một lần duy nhất. Trường hợp phải lấy mẫu lại lần 2 phải được sự chỉ đạo của Giám đốc TTP. Trình tự lấy mẫu lần 2 thực hiện như lấy mẫu lần 1. Kết quả thử nghiệm lần 2 là kết quả đánh giá cuối cùng.
- Nếu phải lấy mẫu thử nghiệm lại, thời gian thực hiện HĐKP không quá 60 ngày. Trưởng đoàn đánh giá trao đổi với khách hàng và báo cáo Trưởng/Phụ trách Phòng Kỹ Thuật trước khi thực hiện. Việc lấy mẫu lại phải được lập Biên bản lấy mẫu và các bước thử nghiệm, theo dõi, đánh giá tương tự việc kiểm tra và lấy mẫu tại hiện trường. Trường hợp quá 60 ngày phải báo cáo, xem xét và được sự chỉ đạo của Giám đốc TTP trước khi thực hiện.
- Trong trường hợp danh mục sản phẩm của khách hàng có một phần sản phẩm có KQTN phù hợp, một phần KPIL. Trưởng/Phụ trách Phòng Kỹ Thuật báo cáo lãnh đạo TTP để xem xét cấp trước một phần danh mục sản phẩm, một phần chờ HĐKP để thực hiện bước tiếp theo.
- *Lưu ý: Không lấy mẫu thử nghiệm lại quá 2 lần, số lượng mẫu lấy lần 2 gấp đôi lần 1.*

2.11. Hoàn thiện hồ sơ chứng nhận

- Sau khi đã có đầy đủ các bằng chứng khắc phục, Đoàn đánh giá hoàn thiện hồ sơ và trình Bộ phận kỹ thuật và Ban thẩm xét thẩm xét hồ sơ chứng nhận.

2.12. Thẩm xét hồ sơ chứng nhận

a. Bộ phận kỹ thuật thẩm xét:

- Bộ phận kỹ thuật tiến hành thẩm xét theo trình tự nội dung và ghi nhận kết quả vào Báo cáo kết quả thẩm xét:
 - Đối với PT5: Sử dụng biểu **BM20-QT-09-03** Báo cáo kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận PT5;
 - Đối với PT7: Sử dụng biểu **BM21-QT-09-03** Báo cáo kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận PT7;
- Trường hợp hồ sơ, kết quả đánh giá chưa đầy đủ yêu cầu. Bộ phận kỹ thuật gửi lại hồ sơ cho Đoàn đánh giá yêu cầu bổ sung, khắc phục, hoàn thiện gửi cho Bộ phận kỹ thuật để thẩm xét lại.
- Trường hợp hồ sơ, kết quả đánh giá đầy đủ yêu cầu. Bộ phận kỹ thuật chuyển cho Ban thẩm xét tiến hành thẩm xét hồ sơ.

b. Ban thẩm xét:

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

- Nếu hồ sơ phù hợp, khách hàng thực hiện HĐKP (nếu có), KQTN đạt yêu cầu, và được Ban thẩm xét thông qua. Đoàn đánh giá lập Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận (Gọi tắt là Quyết định) và Giấy chứng nhận trình Giám đốc/ Người được ủy quyền phê duyệt.
 - Nếu hồ sơ không phù hợp ở điểm nào thì chỉ rõ và yêu cầu Trường đoàn đánh giá tổ chức việc khắc phục.
 - Nếu khách hàng không thực hiện HĐKP hoặc KQTN mẫu không đạt yêu cầu (trong trường hợp đồng ý cho khách hàng lấy mẫu thử nghiệm lần 2 và vẫn không đạt yêu cầu). Lập Thông báo kết quả chứng nhận không phù hợp - biểu mẫu **BM22-QT-09-03** trình Trường/Phụ trách phòng Kỹ thuật xét duyệt, Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt, đồng thời thông báo tới khách hàng và các cơ quan liên quan được biết.
 - *Lưu ý: Người thẩm xét hồ sơ không là người tham gia vào quá trình đánh giá chứng nhận.*
- 2.13. Dự thảo giấy chứng nhận, xác nhận thông tin giấy chứng nhận**
- Phòng Kỹ thuật phân công CVNV lên dự thảo GCN gửi doanh nghiệp kiểm tra xác nhận thông tin bằng email trước khi in GCN và Quyết định.
- 2.14. Ký quyết định và giấy chứng nhận**
- a. CVNV được phân công gửi hồ sơ đánh giá kèm Quyết định và Giấy chứng nhận cho Bộ phận KT
 - Đối với PT5:
 - **BM23-QT-09-03** Quyết định cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may theo phương thức 5;
 - **BM24-QT-09-03** Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may theo phương thức 5;
 - **BM32-QT-09-03** Quy định sử dụng dấu hợp quy sản phẩm dệt may.
 - Đối với PT7:
 - **BM25-QT-09-03** Quyết định cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may theo phương thức 7;
 - **BM26-QT-09-03** Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may theo phương thức 7;
 - **BM32-QT-09-03** Quy định sử dụng dấu hợp quy sản phẩm dệt may.
 - b. Bộ phận Quản lý hồ sơ của PKT kiểm tra, xác nhận ngày cấp Quyết định và Giấy chứng nhận và ký nháy.
 - c. Trường bộ phận kỹ thuật kiểm tra hồ sơ đánh giá do đoàn đánh giá trình, ký nháy vào Quyết định và GCN trình Giám đốc/Người được ủy quyền ký ban hành.
- 2.15. Trao quyết định và giấy chứng nhận**
- PCN, CVNV chuyển Quyết định và GCN cho khách hàng kèm theo hướng dẫn sử dụng GCN và dấu chứng nhận theo quy định của TTP.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

2.16. Lưu hồ sơ chứng nhận

- Phòng Kỹ thuật lưu và bảo quản hồ sơ đánh giá chứng nhận theo quy định tại Quy trình Kiểm soát hồ sơ – **QT-02**.

2.17. Chăm sóc, quản lý khách hàng

- PCN có trách nhiệm phối hợp cùng PKD tiếp nhận và giải quyết những thắc mắc của khách hàng liên quan đến sản phẩm đã được chứng nhận, theo dõi việc đánh giá giám sát và thông báo kế hoạch giám sát đến doanh nghiệp theo định kỳ;
- Bất kể những thay đổi nào có ảnh hưởng tới khách hàng: Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận, quy định/quy trình chứng nhận, ... PCN và PKD có trách nhiệm thông báo đến khách hàng bằng văn bản và kiểm tra xác nhận việc khách hàng thực hiện những thay đổi đó.

2.18. Đánh giá và giám sát định kỳ

- a. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, TTP sẽ tiến hành đánh giá giám sát theo định kỳ 12 tháng/ lần hoặc đột xuất (nếu cần thiết) đối với chứng nhận sản phẩm đã được chứng nhận. Trước thời gian tiến hành giám sát không quá 02 tháng, người/ bộ phận phụ trách khách hàng của PCN/PKD liên hệ và gửi thông báo kế hoạch giám sát theo – **BM27-QT-09-03** gửi đến cho doanh nghiệp.
- b. Nội dung đánh giá giám sát gồm:
 - Đánh giá sự tuân thủ, duy trì các quy định nêu trong quy trình sản xuất và các quy trình kiểm soát trong quá trình hoạt động của khách hàng;
 - Xem xét các hồ sơ, tài liệu từ thời điểm được chứng nhận đến thời gian đánh giá giám sát;;
 - Kiểm tra các hành động khắc phục, các khuyến nghị đã được nêu ra trong đánh giá chứng nhận lần đầu
- c. Các bước tiến hành đánh giá giám sát lặp lại như đánh giá chứng nhận, lưu ý:
 - Thời hạn đình chỉ giấy chứng nhận không quá 3 tháng (nếu quá 3 tháng doanh nghiệp không hoàn tất việc khắc phục các nội dung KPH hoặc không thực hiện giám sát, TTP sẽ xem xét và hủy bỏ giấy chứng nhận). **BM28-QT-09-03**.
 - Quyết định đình chỉ tạm thời hiệu lực chứng nhận, **BM29-QT-09-03** Quyết định thu hồi, hủy bỏ hiệu lực chứng nhận.
 - 03 tháng trước khi hết hạn giấy chứng nhận, người/ bộ phận phụ trách khách hàng của PCN phải thông báo cho doanh nghiệp biết và làm thủ tục chứng nhận lại.
 - Sau mỗi lần giám sát phù hợp, TTP gửi thông báo kết quả giám sát cho doanh nghiệp theo **BM30-QT-09-03**.

2.19. Lưu hồ sơ

- PKT lưu và bảo quản hồ sơ đánh giá chứng nhận, hồ sơ đánh giá giám sát, hồ sơ chứng nhận lại theo quy định tại Quy trình Kiểm soát hồ sơ – **QT-02**.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

IV. HỒ SƠ LƯU

1. Hồ sơ lưu đối với chứng nhận theo phương thức 5

TT	Hồ sơ	Mã HS	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Hợp đồng		HC-TII	5 năm
2.	Phiếu yêu cầu chứng nhận sản phẩm theo PT5	BM01-QT-09-03	PKT	5 năm
3.	Phiếu xem xét yêu cầu	BM03-QT-09-03	PKT	5 năm
4.	Quyết định chỉ định PTN	BM05-QT-09-03	PKT	5 năm
5.	Quyết định thành lập đoàn đánh giá	BM06-QT-09-03	PKT	5 năm
6.	Báo cáo đánh giá hệ thống tài liệu	BM07-QT-09-03	PKT	5 năm
7.	Kế hoạch đánh giá và lấy mẫu theo PT5	BM08-QT-09-03	PKT	5 năm
8.	Xác nhận Kế hoạch đánh giá	BM10-QT-09-03	PKT	5 năm
9.	Danh sách tham dự	BM11-QT-09-03	PKT	5 năm
10.	Ghi chép đánh giá	BM12-QT-09-03	PKT	5 năm
11.	Báo cáo hành động khắc phục	BM13-QT-09-03	PKT	5 năm
12.	Biên bản kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu	BM14-QT-09-03	PKT	5 năm
13.	Báo cáo đánh giá CNSP	BM15-QT-09-03	PKT	5 năm
14.	Phiếu mã hóa mẫu thử nghiệm	BM16-QT-09-03	PKT	5 năm
15.	Phiếu bàn giao mẫu và yêu cầu thử nghiệm	BM17-QT-09-03	PKT	5 năm
16.	Báo cáo đánh giá mẫu thử nghiệm	BM18-QT-09-03	PKT	5 năm
17.	Thông báo KQTN không phù hợp	BM19-QT-09-03	PKT	5 năm
18.	Báo cáo kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận phương thức 5	BM20-QT-09-03	PKT	5 năm
19.	Thông báo kết quả chứng nhận không phù hợp	BM22-QT-09-03	PKT	5 năm
20.	Quyết định cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận	BM23-QT-09-03	PKT	5 năm

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

	hợp quy dệt may theo PT5			
21.	Giấy chứng nhận hợp quy dệt may theo PT5	BM24-QT-09-03	PKT	5 năm
22.	Thông báo kế hoạch giám sát	BM27-QT-09-03	PKT	5 năm
23.	Quyết định đình chỉ hiệu lực GCN	BM28-QT-09-03	PKT	5 năm
24.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực GCN	BM29-QT-09-03	PKT	5 năm
25.	Thông báo kết quả giám sát	BM30-QT-09-03	PKT	5 năm

2. Hồ sơ lưu đối với chứng nhận theo phương thức 7

TT	Hồ sơ	Mã IIS	Nơi lưu	Thời gian lưu
26.	Hợp đồng		HC-TII	5 năm
27.	Phiếu yêu cầu chứng nhận sản phẩm theo PT7	BM02-QT-09-03	PKT	5 năm
28.	Phiếu xem xét yêu cầu	BM04-QT-09-03	PKT	5 năm
29.	Quyết định chỉ định PTN	BM05-QT-09-03	PKT	5 năm
30.	Quyết định thành lập đoàn đánh giá	BM06-QT-09-03	PKT	5 năm
31.	Báo cáo đánh giá hệ thống tài liệu	BM07-QT-09-03	PKT	5 năm
32.	Kế hoạch đánh giá và lấy mẫu theo PT7	BM09-QT-09-03	PKT	5 năm
33.	Xác nhận Kế hoạch đánh giá	BM10-QT-09-03	PKT	5 năm
34.	Biên bản kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu	BM14-QT-09-03	PKT	5 năm
35.	Phiếu mã hóa mẫu thử nghiệm	BM16-QT-09-03	PKT	5 năm
36.	Phiếu bàn giao mẫu và yêu cầu thử nghiệm	BM17-QT-09-03	PKT	5 năm
37.	Báo cáo đánh giá mẫu thử nghiệm	BM18-QT-09-03	PKT	5 năm
38.	Thông báo KQTN không phù hợp	BM19-QT-09-03	PKT	5 năm
39.	Báo cáo kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận phương thức 7	BM21-QT-09-03	PKT	5 năm

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

40.	Thông báo kết quả chứng nhận không phù hợp	BM22-QT-09-03	PKT	5 năm
41.	Quyết định cấp giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy dệt may theo PT7	BM25-QT-09-03	PKT	5 năm
42.	Giấy chứng nhận hợp quy dệt may theo PT7	BM26-QT-09-03	PKT	5 năm

3. Sự bảo mật

- Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến khách hàng.

V. PHỤ LỤC

- **Phụ lục I:** Danh mục sản phẩm dệt may phải chứng nhận Hợp quy trước khi đưa ra thị trường Việt Nam;
- **Phụ lục II:** Danh mục các nhãn sinh thái.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

PHỤ LỤC I
DANH MỤC SẢN PHẨM DỆT MAY PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY
TRƯỚC KHI ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM.

(Ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số: 01 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
5007	Vải dệt thoi dệt từ tơ tằm hoặc từ phế liệu tơ tằm
5111	Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu chải thô hoặc từ sợi lông động vật loại mịn chải thô
5112	Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu chải kỹ hoặc từ sợi lông động vật loại mịn chải kỹ
5113.00.00	Vải dệt thoi từ sợi lông động vật loại thô hoặc sợi lông đuôi hoặc bờm ngựa
5208	Vải dệt thoi từ bông có tỷ trọng bông từ 85%-trở lên, trọng lượng không quá 200 g/m ²
5209	Vải dệt thoi từ bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên, trọng lượng trên 200g/m ²
5210	Vải dệt thoi từ bông, có tỷ trọng bông dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng không quá 200g/m ²
5211	Vải dệt thoi từ bông, có tỷ trọng bông dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ sợi nhân tạo, có trọng lượng trên 200g/ m ²
5212	Vải dệt thoi khác từ sợi bông
5309	Vải dệt thoi từ sợi lanh
5310	Vải dệt thoi từ sợi day hoặc từ các loại xơ libc dệt khác thuộc nhóm 53.03
5311	Vải dệt thoi từ các loại sợi dệt gốc thực vật khác; vải dệt thoi từ sợi giấy
5407	Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi từ các loại sợi thuộc nhóm 54.04
5407.10	Vải dệt thoi từ sợi có độ bền cao bằng ni lông hoặc các polyamit hoặc các polyeste khác
5407.41.10	Vải lưới ni lông dệt thoi từ sợi filament không xoắn thích hợp để sử dụng như vật liệu gia cố cho vải sơn dầu
5408	Vải dệt thoi bằng sợi filament tái tạo, kể cả vải dệt thoi từ các loại nguyên liệu thuộc nhóm 54.05
5512	Các loại vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này từ 85% trở lên
5513	Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng không quá 170 g/m ²
5514	Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có tỷ trọng loại xơ này dưới 85%, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, trọng lượng trên 170g/m ²
5515	Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp

5516	Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo
5601	Mền xơ bằng vật liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5 mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps)
5602	Phốt, ni đã hoặc chưa ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép lớp
5603	Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, trắng phủ hoặc ép lớp
5701	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện
5702	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, dệt thoi, không chân sợi vòng hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, kể cả thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanic” và các loại thảm dệt thủ công tương tự.
5703	Thảm và các loại hàng dệt hải sản khác, được chân, đã hoặc chưa hoàn thiện
5704	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, từ phốt, không chân hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện
5705	Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện
5801	Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sonin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06
5802	Vải khăn lông và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt chân sợi nổi vòng trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03
5803	Vải dệt quần, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06
5804	Các loại vải tuyền và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu hoa văn, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06
5806.10	Vải dệt thoi có tạo vòng lông (kể cả vải khăn lông và các loại vải dệt nổi vòng tương tự) và vải dệt từ sợi sonin (chenille)
5806.20	Vải dệt thoi khác, có chứa sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su từ 5% trở lên tính theo trọng lượng
5811	Các sản phẩm dệt đã chân dạng chiếc, bao gồm một hay nhiều lớp vật liệu dệt kết hợp với lớp đệm bằng cách khâu hoặc cách khác, trừ hàng thêu thuộc nhóm 58.10
5903	Vải dệt đã được ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc ép với plastic, trừ các loại thuộc nhóm 59.02
5905	Các loại vải dệt phủ tường,
6001	Vải có tạo vòng lông, kể cả các loại vải “vòng lông dài” và vải khăn lông, dệt kim hoặc móc
6002	Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ loại thuộc nhóm 60.01.
6003	Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

	60.01 hoặc 60.02.
6004	Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên, trừ các loại thuộc nhóm 60.01
6005	Vải dệt kim sợi dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dài trang trí), trừ loại thuộc các nhóm 60.01 đến 60.04
6006	Vải dệt kim hoặc móc khác
6101	Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (carcoat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03
6102	Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (carcoat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04
6103	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc
6104	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân ⁽¹⁾ , chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc
6105	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc
6106	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirtblouse), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc
6107	Quần lót, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc
6108	Váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc
6109	Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc
6110	Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc
6111	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc.
6112	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc
6113.00.40	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07
6114	Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

6115	Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc
6115.10.10	Vớ cho người giãn tĩnh mạch, từ sợi tổng hợp
6116	Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc
6117	Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác, dệt kim hoặc móc; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03.
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04
6203	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai
6204	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân ⁽¹⁾ , chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.
6205	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai
6206	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirtblouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái
6207	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, quần lót, quần đùi, quần sip, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai
6208	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái
6209	Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em
6210	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.
6211	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác
6212	Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc
6213	Khăn tay và khăn vuông nhỏ quàng cổ
6214	Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai,

QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

	mạng che và các loại tương tự
6215	Cà vạt, nơ con bướm và cravat
6216	Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao
6217	Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác; các chi tiết của quần áo hoặc của phụ kiện may mặc, trừ các loại thuộc nhóm 62.12
6301	Chăn và chăn du lịch
6302	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp
6303	Màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong; diềm màn che hoặc diềm giường
6304	Các sản phẩm trang trí nội thất khác, trừ các loại thuộc nhóm 94.04
6307.10	Khăn lau sàn, khăn lau bát đĩa, khăn lau bụi và các loại khăn lau tương tự
6308	Bộ vải bao gồm vải dệt thoi và chỉ, có hoặc không có phụ kiện, dùng để làm chăn, thảm trang trí, khăn trải bàn hoặc khăn ăn đã thêu, hoặc các sản phẩm dệt tương tự, đóng gói sẵn để bán lẻ
6404.11	Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự
6501.00.00	Các loại thân mũ hình nón, hình chuông bằng phớt (nỉ, dạ), chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành; thân mũ chóp bằng và thân mũ hình trụ (kể cả thân mũ hình trụ đa giác), bằng phớt (nỉ, dạ)
6502.00.00	Các loại thân mũ, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng vật liệu bất kỳ, chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành, chưa có lót, chưa có trang trí
6504.00.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng chất liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí
6505	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (trừ dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới bao tóc bằng vật liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí
9404	Khung đệm; các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các loại tương tự (ví dụ, đệm, chăn quilt, chăn nhồi lông, nệm, đệm ghế loại dài và gối) có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lắp bên trong bằng vật liệu bất kỳ hoặc bằng cao su xốp hoặc plastic xốp, có hoặc không bọc
9619	Băng (miếng) và nút bông vệ sinh (tampons), khăn và tã lót cho trẻ và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu.

*Mã hàng: là mã của sản phẩm thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chú ý: Theo Thông tư số: 20/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “Bãi bỏ mã hàng 9619: “Băng (miếng) và nút bông vệ sinh (tampons), khăn và tã lót cho trẻ và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu”.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHÃN SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số: 01 ngày 23 tháng 10 năm 2017)

1 - Eco-Lable của Hàn Quốc:



2- Green Lable của Thái Lan:



3- ECO-Safe của Ấn Độ:



4- EKO-TEX 100:



5- EU-Lable của Châu Âu:



6 - Green Mark của Đài Loan:



7 - Nhân sinh thái của Trung Quốc:



8 - NORDIC Eco-Lable:



9 - Nhãn sản phẩm hữu cơ toàn cầu:



10 - Nhân sinh thái của Hà Lan:



11 - Ecoliving của Australia.



QT-09-03
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM DỆT MAY

12- Der Blaue Engel, Oeko-Tex® Của Cộng hoà Liên bang Đức:



C. K. C. P. * K. O.

BM01-QT-09-03
YÊU CẦU CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY PT5



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY
THEO QCVN 01:2017/BCT
(Phương thức 5)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ

Đơn vị yêu cầu:	
Địa chỉ:	
Mã số thuế:	
Điện thoại:	
Người liên hệ:	

II. YÊU CẦU CHỨNG NHẬN

1. Loại hình đánh giá

☐ Đánh giá lần đầu

☐ Đánh giá giám sát

☐ Đánh giá lại

☐ Đánh giá mở rộng

2. Phạm vi chứng nhận

- Tên cơ sở đăng ký chứng nhận:

- Địa điểm đăng ký chứng nhận:

- Danh mục sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Chất liệu	Nhãn hiệu (nếu có)

3. Hồ sơ kèm theo

TT	TÊN HỒ SƠ	TÍCH (X) NẾU CÓ
1	Danh mục sản phẩm đăng ký chứng nhận	
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm	
3	Kế hoạch kiểm soát chất lượng sản xuất	
4	Quy trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá	

BM01-QT-09-03
YÊU CẦU CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY PT5

	trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm	
5	Danh mục và lịch hiệu chuẩn thiết bị	
6	Cơ cấu tổ chức (chức năng, nhiệm vụ phòng ban, trách nhiệm quyền hạn cá nhân)	
7	Sơ đồ khu vực sản xuất (nếu có)	
8	Bản sao giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất	
9	Bản sao giấy phép sản xuất	

III. CAM KẾT

1. Chúng tôi cam đoan thông tin nêu trong đăng ký chứng nhận là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của “Quy định về nội dung và thủ tục chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn”.
2. Đề nghị Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP quy tiến hành đánh giá chứng nhận hợp quy sản phẩm trên phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn áp dụng.

Chứng nhận yêu cầu cấp: ☐ Tiếng Việt : (bản) ☐ Tiếng Anh: (bản)

Yêu cầu khác:.....

Xác nhận của TTP

☐ Thông tin đầy đủ

☐ Yêu cầu bổ sung mục:
trước ngày nhận kết quả.

Ngày:

Người tiếp nhận hồ sơ:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP**

Vào sổ đăng ký số:.....

....., ngàytháng năm

(Đại diện Tổ chức chứng nhận/ giám định ký tên
đóng dấu)

....., ngày.....thángnăm

(NGƯỜI YÊU CẦU)

(ký tên đóng dấu)

BM02-QT-09-03
YÊU CẦU CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY PT7



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY
THEO QCVN 01:2017/BCT
(Phương thức 7)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ

Đơn vị yêu cầu:	
Địa chỉ:	
Mã số thuế:	
Điện thoại:	
Người liên hệ:	

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM

1. Thông tin chung:

ST T	Chủng loại (Tên sản phẩm, hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại)	Đặc tính kỹ thuật	Khối lượng/ Số lượng	Xuất xứ/ Nhà sản xuất	Nhóm sản phẩm dệt may theo QCVN 01:2017/BCT(*)

(*) Nhóm 1: Sản phẩm dệt may dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi hoặc có chiều dài < 100 cm đối với bộ liền.

Nhóm 2: Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da.

Nhóm 3: Sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da.

2. Hồ sơ, tài liệu kèm theo (Bản chính hoặc sao y bản chính)

a. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

- Hợp đồng (Contract) số:	
- Hóa đơn (Invoice) số:	
- Vận đơn (Bill of Lading) số:	
- Tờ khai hải quan số:	
- Giấy chứng nhận xuất xứ số:	

b. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước:

- Hồ sơ sản xuất (Phiếu kiểm tra, Phiếu xuất xưởng, Biên bản pha chế, Lệnh sản xuất, Phiếu nhập kho...)
- Giấy phép Đăng ký kinh doanh:
- Giấy đăng ký nhãn hiệu hàng hoá (đối với nhãn hiệu đã đăng ký):

BM02-QT-09-03
YÊU CẦU CHỨNG NHẬN HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY PT7

c. Các tài liệu khác (nếu có):

III. YÊU CẦU

1. Thời gian, địa điểm kiểm tra, lấy mẫu:

IV. CAM KẾT

1. Chúng tôi cam đoan thông tin nêu trong đăng ký chứng nhận là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của “Quy định về nội dung và thủ tục chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn”.
2. Đề nghị Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP quy tiến hành đánh giá chứng nhận sản phẩm trên phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn áp dụng.

Chứng thư yêu cầu cấp: (bản) ☐ Tiếng Việt : (bản) ☐ Tiếng Anh: (bản)

Yêu cầu khác:

Xác nhận của TTP

☐ Thông tin đầy đủ

☐ Yêu cầu bổ sung mục:
trước ngày nhận kết quả.

Ngày:

Người tiếp nhận hồ sơ:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP**

Vào sổ đăng ký số:.....

....., ngàytháng năm

(Đại diện Tổ chức chứng nhận/ giám định ký tên
đóng dấu)

....., ngày.....thángnăm
(NGƯỜI YÊU CẦU)
(ký tên đóng dấu)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK
COMPANY

**PHIẾU XEM XÉT HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN CHỨNG NHẬN THEO PHƯƠNG THỨC 5**

1. Tổ chức yêu cầu chứng nhận:
2. Địa chỉ:
 - Trụ sở chính:
 - Địa điểm sản xuất:
3. Địa điểm đánh giá:
4. Thông tin doanh nghiệp:
 - Tổng số cán bộ, nhân viên:
 - Vị trí quản lý:
 - Trục tiếp sản xuất:
 - Cán bộ, nhân viên liên quan đến sản phẩm chứng nhận:
 - Số ca sản xuất:
5. Hồ sơ tiếp nhận gồm có:

TT	Tên tài liệu, hồ sơ	Kết quả xem xét		Nhận xét
		Có	không	
1	Đăng ký chứng nhận			
2	Kế hoạch KSCL			
3	Kế hoạch kiểm soát thiết bị TD-ĐL			
4	Tài liệu kỹ thuật về sản phẩm			
5	Chứng chỉ Hệ thống Quản lý			
6	Sổ tay Hệ thống Quản lý			
7	Tài liệu khác:			

- Nhận xét: Phù hợp/ không phù hợp/ xem xét thực tế (nếu yêu cầu không bắt buộc có)

6. Phạm vi yêu cầu chứng nhận:

TT	Phạm vi chứng nhận	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn/... áp dụng	NACE code

7. Loại hình chứng nhận:

☐ Chứng nhận ban đầu ☐ Chứng nhận lại ☐ Chứng nhận mở rộng

8. Đánh giá chứng nhận: Chứng nhận sản phẩm Phương thức 5

9. Ngày công đánh giá:

BM03-QT-09-03
PHIẾU XEM XÉT YÊU CẦU PT5

Chứng nhận: Giám sát:

- Hệ số nhân viên x Hệ số mức độ phức tạp x Hệ số rủi ro = .. x ... x ... =
ngày công;
- Đánh giá hệ thống tài liệu: 1 ngày công; Giám sát: 1/3 thời gian chứng nhận

10. Nội dung và kết quả xem xét

10.1. Năng lực chuyên gia

ST T	Họ tên	Chức danh						Đơn vị
		Trưởng đoàn ĐG	Trưởng đoàn ĐG tập sự	CGĐG	CGĐG tập sự	CG KT	CG mang CODE	
1.								PKT
2.								PKT
3.								PKT
4.								PKT
5.								PKT

10.2. Năng lực thử nghiệm

- Phòng thử nghiệm:

STT	Phòng thử nghiệm đáp ứng yêu cầu	Địa chỉ	Chỉ tiêu đáp ứng

- Chỉ tiêu thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Căn cứ đáp ứng

10.3. Người lấy mẫu

- ☐ Phải được cơ quan có thẩm quyền chỉ định
- ☒ Không bắt buộc chỉ định nhưng phải có chuyên môn, kinh nghiệm
- ☒ Lấy mẫu thông thường theo hướng dẫn.

Những người đáp ứng yêu cầu (liệt kê một số người lấy mẫu):

.....

10.4. Dụng cụ phục vụ kiểm tra thử nghiệm tại chỗ:

.....

10.5. Kết luận

- ☒ Đủ điều kiện thực hiện việc đánh giá chứng nhận.
- ☐ Không đủ điều kiện. Lý do:

.....

BM03-QT-09-03
PHIẾU XEM XÉT YÊU CẦU PTS

Đề xuất phương án xử lý tiếp theo: đề nghị phân công thực hiện theo yêu cầu nêu trên.

Người xem xét , ngày tháng năm

Phòng Kỹ thuật

11. Phân công thực hiện

TT	Họ và tên	Vai trò	Ghi chú
		CGĐG/ Trưởng đoàn	
		CGĐG/CGKT, Thành viên	
		Người lấy mẫu	

....., ngày tháng năm

Phòng Kỹ thuật



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

PHIẾU XEM XÉT HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN CHỨNG NHẬN THEO PHƯƠNG THỨC 7

1. Tổ chức yêu cầu chứng nhận:
2. Địa chỉ:
3. Địa điểm đánh giá:
4. Hồ sơ đăng ký tiếp nhận gồm có:

TT	Tên tài liệu, hồ sơ	Kết quả xem xét		Nhận xét
		Có	không	
1	Yêu cầu chứng nhận			
2	Hợp đồng			
3	Hóa đơn			
4	Văn đơn			
5	Danh mục hàng hóa			
6	Tờ khai hải quan			
7	Tài liệu kỹ thuật			
8	Tài liệu khác:			

- Nhận xét: Phù hợp/ không phù hợp/ xem xét thực tế (nếu yêu cầu không bắt buộc có)

5. Thông tin sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm và nhãn hiệu thương mại	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn/... áp dụng

6. Nội dung và kết quả xem xét

6.1. Năng lực chuyên gia

STT	Họ tên	Chức danh						Đơn vị
		Trưởng đoàn ĐG	Trưởng đoàn ĐG tập sự	CGĐG	CGĐG tập sự	CG KT	CG mang CODE	
1.								PKT
2.								PKT
3.								PKT
4.								PKT
5.								PKT

6.2. Năng lực thử nghiệm

- Phòng thử nghiệm:

STT	Phòng thử nghiệm đáp ứng yêu cầu	Địa chỉ	Chỉ tiêu đáp ứng

BM04-QT-09-03
PHIẾU XEM XÉT YÊU CẦU PT7

--	--	--	--

- Chi tiêu thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Căn cứ đáp ứng

6.3. Người lấy mẫu

- ☐ Phải được cơ quan có thẩm quyền chỉ định
☒ Không bắt buộc chỉ định nhưng phải có chuyên môn, kinh nghiệm
☒ Lấy mẫu thông thường theo hướng dẫn.

Những người đáp ứng yêu cầu (liệt kê một số người lấy mẫu):

.....

6.4. Dụng cụ phục vụ kiểm tra thử nghiệm tại chỗ:

.....

6.5. Kết luận

- ☒ Đủ điều kiện thực hiện việc đánh giá chứng nhận.
☐ Không đủ điều kiện. Lý do:
Đề xuất phương án xử lý tiếp theo: đề nghị phân công thực hiện theo yêu cầu nêu trên.

Người xem xét

....., ngày tháng năm

Phòng Kỹ thuật

7. Phân công thực hiện

TT	Họ và tên	Vai trò	Ghi chú
		CGDG/ Trưởng đoàn	
		CGĐG/CGKT, Thành viên	
		Người lấy mẫu	

....., ngày tháng năm

Phòng Kỹ thuật

BM05-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH PHÒNG THỬ NGHIỆM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTP

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Chỉ định phòng thử nghiệm phục vụ chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

- Căn cứ quyết định số/QĐ- ... ngày .../.../20... của về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;
- Căn cứ theo Quy định nội dung, thủ tục chứng nhận của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;
- Căn cứ nhu cầu, phạm vi chứng nhận và năng lực của phòng thử nghiệm;
- Theo đề nghị của Trưởng/Phụ trách phòng Chứng nhận – Công ty TTP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định phòng thử nghiệm.....-.... thực hiện việc thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu theo yêu cầu của phục vụ chứng nhận và giám sát sau chứng nhận (đối với PT5) cho các sản phẩm được TTP chứng nhận.

Điều 2. Trưởng đoàn đánh giá chứng nhận và giám sát sau chứng nhận (đối với PT5) có trách nhiệm tổ chức theo dõi việc thực hiện các phép thử tại phòng thử nghiệm nêu tại Điều 1 và báo cáo kết quả thử nghiệm cho Trưởng/Phụ trách phòng Chứng nhận và Giám đốc Công ty TTP.

Điều 3. Phòng Chứng nhận, phòng thử nghiệm nêu trên và đoàn đánh giá chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi có quyết định khác về việc này được ban hành.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Công ty

PTN nêu tại Điều 1;

Đơn vị nêu tại Điều 2;

Lưu: TTP.

BM06-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTP

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập đoàn đánh giá

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

Căn cứ quyết định số/QĐ- ... ngày .../.../20... của về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ theo Quy định nội dung, thủ tục chứng nhận của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;

Căn cứ Yêu cầu chứng nhận ngày của Công ty

Xét trình độ, năng lực của các chuyên gia đánh giá và chuyên gia kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn chuyên gia đánh giá gồm các thành viên có tên sau:

STT	Họ và tên	Vai trò trong đoàn

Điều 2. Đoàn chuyên gia đánh giá có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá chứng nhận tại Công ty (địa chỉ văn phòng: ...; địa chỉ sản xuất: ... đối với PT5) cho (các) sản phẩm sau:

STT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn chứng nhận	Mã khách hàng

Điều 3. Lựa chọn 1 trong 2 nội dung

Đối với PT5: Đoàn chuyên gia đánh giá có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá, kế hoạch lấy mẫu, tổ chức thực hiện việc đánh giá và theo dõi việc thử nghiệm tại PTN được chỉ định. Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá chứng nhận và kiến nghị các điểm cần đánh giá trong lần giám sát sau theo đúng thủ tục hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.

Đối với PT7: Đoàn chuyên gia đánh giá có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá, kế hoạch lấy mẫu, tổ chức thực hiện việc đánh giá và theo dõi việc thử nghiệm tại PTN được chỉ định. Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá chứng nhận theo đúng thủ tục hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.

BM06-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Điều 4. (Chỉ áp dụng đối với PT5) Quyết định này chỉ có hiệu lực cho việc đánh giá chứng nhận ban đầu/chứng nhận lại/chứng nhận mở rộng/giám sát sau chứng nhận (Lần 1 or 2) tại Tổ chức và sản phẩm nêu tại Điều 2.

Điều 5. Các thành viên có tên trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

Các Ông/Bà nêu tại Điều 1;

Đơn vị nêu tại Điều 2;

Lưu: TTP.

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG TÀI LIỆU

1. MÃ HỒ SƠ:
2. TỔ CHỨC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ:
3. SẢN PHẨM CHỨNG NIỆN

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn/Thông tư áp dụng

4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu	Tài liệu viện dẫn	Nhận xét
Đăng ký chứng nhận		
Kế hoạch KSCL		
Kế hoạch kiểm soát thiết bị TD-ĐL		
Tài liệu kỹ thuật về sản phẩm		
Chứng chỉ Hệ thống Quản lý		
Sổ tay Hệ thống Quản lý		
Tài liệu khác:		

5. KẾT LUẬN:

- ☐ Hệ thống tài liệu phù hợp yêu cầu;
☐ Hệ thống tài liệu cần bổ sung/sửa đổi, ...;

Ngày:

Chuyên gia đánh giá:

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU THEO PHƯƠNG THỨC 5

Kính gửi:

Như đã thỏa thuận, chúng tôi xin gửi kế hoạch đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN/QCVN theo Phương thức 5 tại quý Công ty/quý Doanh nghiệp với nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên tổ chức được đánh giá:
- Địa điểm đánh giá:
- Trụ sở chính:
- Nhà máy sản xuất:
- Thời gian đánh giá:
- Phương thức đánh giá: Phương thức 5
- Loại hình/ Mục đích đánh giá:
- Mục tiêu đánh giá: Xác nhận tính hiệu lực của hệ thống quản lý/đảm bảo chất lượng, xem xét việc tuân thủ của hệ thống quản lý/đảm bảo chất lượng với yêu cầu pháp lý liên quan và xác định mức độ phù hợp của sản phẩm so với căn cứ đánh giá.
- Căn cứ đánh giá: QCVN/TCVN, Quy định riêng

II. PHẠM VI CHỨNG NHẬN

STT	TÊN SẢN PHẨM	NHÃN HIỆU	QUY CÁCH SẢN PHẨM	TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN CHỨNG NHẬN
1.				

III. THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ
1.		
2.		

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

- Số ngày công:

BM08-QT-09-03
KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU THEO PT5

Thời gian	Nội dung đánh giá	Đơn vị được đánh giá	Đoàn đánh giá
<i>Ngày thứ ...</i>	<i>Ngày ... tháng ... năm</i>		
... - ...	Họp khai mạc	Lãnh đạo Công ty và Trưởng các chi nhánh	Đoàn đánh giá
8:30 – 11:30	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
11:30 – 13:30	<i>Nghỉ trưa/Lunch</i>		
13:30 – 17:00	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
<i>Ngày thứ ...</i>	<i>Ngày ... tháng ... năm</i>		
8:30 – 11:30	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
11:30 – 13:30	<i>Nghỉ trưa/Lunch</i>		
13:30 – 17:00	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
<i>Ngày thứ ...</i>	<i>Ngày ... tháng ... năm</i>		
8:30 – 11:30	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
11:30 – 13:30	<i>Nghỉ trưa/Lunch</i>		
13:30 – 15:30	Điều khoản, nội dung đánh giá	Đơn vị tham gia	CGDG
15:30	Họp đoàn đánh giá/ <i>Team meeting và/and</i>	/	Đoàn

BM08-QT-09-03
KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU THEO PT5

16:30	viết báo cáo/ <i>Write a report</i>		đánh giá
16:30 – 17:00	Họp kết thúc/ <i>Closing meeting</i>	Lãnh đạo Tổ chức và Trưởng các bộ phận	Đoàn đánh giá

V. KẾ HOẠCH LẤY MẪU

- Sản phẩm được chứng nhận:
- Khối/ số lượng mẫu:

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Nhãn hiệu	Khối/ Số lượng
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

VI. NHỮNG LƯU Ý

- Kế hoạch làm việc dự kiến có thể được thay đổi sau khi có sự thống nhất giữa quý Công ty và đoàn đánh giá trong cuộc họp khai mạc.
- Để tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn đánh giá, đề nghị Quý công ty vui lòng bố trí các điều kiện làm việc thích hợp cho đoàn đánh giá.
- Nếu Quý công ty có điều gì chưa rõ hoặc không đồng ý bất kỳ thông tin nào nêu trên, xin vui lòng phản hồi lại cho TTP trước ngày đánh giá ít nhất 05 ngày. Trong trường hợp TTP không nhận được ý kiến phản hồi thì chúng tôi mặc định khách hàng đồng ý với các thông tin nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., Ngày Tháng Năm

Trưởng đoàn đánh giá

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU THEO PHƯƠNG THỨC 7

Mã hồ sơ:

Kính gửi:

Như đã thỏa thuận, chúng tôi xin gửi kế hoạch đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp tại quý Công ty/ quý Doanh nghiệp với nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên tổ chức được đánh giá:
- Địa điểm đánh giá:
- Thời gian đánh giá:
- Phương thức đánh giá: Phương thức 7
- Loại hình/ Mục đích đánh giá:
- Căn cứ đánh giá: QCVN/TCVN, Quy định riêng

II. PHẠM VI CHỨNG NHẬN

STT	Tên sản phẩm, nhãn hiệu	Kiểu/ Loại	Thông số kỹ thuật	Số/ khối lượng	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn chứng nhận
1.					

III. THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ
1.		
2.		

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU

- Thời gian đánh giá:
- Sản phẩm được chứng nhận:
- Khối/ số lượng mẫu:

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Nhãn hiệu	Khối/ Số lượng
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

V. NHỮNG LƯU Ý

- Kế hoạch làm việc dự kiến có thể được thay đổi sau khi có sự thống nhất giữa quý Công ty và đoàn đánh giá.
- Để tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn đánh giá, đề nghị Quý công ty vui lòng bố trí các điều kiện làm việc thuận lợi cho đoàn đánh giá.

BM09-QT-09-03
KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU THEO PT7

- Nếu Quý công ty có điều gì chưa rõ hoặc không đồng ý bất kỳ thông tin nào nêu trên, xin vui lòng phản hồi lại cho TTP trước ngày đánh giá ít nhất 03 ngày. Trong trường hợp TTP không nhận được ý kiến phản hồi thì chúng tôi mặc định khách hàng đồng ý với các thông tin nêu trên.
Xin trân trọng cảm ơn!

....., Ngày Tháng Năm

Trưởng đoàn đánh giá

BM10-QT-09-03
XÁC NHẬN KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Số:

V/v: Xác nhận kế hoạch đánh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP

Phúc đáp kế hoạch số: của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP. Chúng tôi xin có ý kiến như sau:

Kế hoạch	Ý kiến của đơn vị (Tick "X")		
	Đồng ý	Không đồng ý	Lý do
Thời gian			
Chuyên gia đánh giá			
Kế hoạch đánh giá chi tiết			

Chúng tôi sẽ tạo điều kiện cho đoàn đánh giá đến làm việc theo đúng nội dung, kế hoạch và thủ tục quy định.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

DANH SÁCH THAM DỰ CUỘC ĐÁNH GIÁ

Đơn vị được đánh giá:

Địa chỉ trụ sở:

Địa chỉ sản xuất:

Ngày họp khai mạc:

Ngày họp kết thúc:

STT	Thành viên	Chức vụ	Khai mạc (ký xác nhận)	Kết thúc (ký xác nhận)

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG
(ký, đóng dấu)

BM12-QT-09-03
GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

1. Đơn vị được đánh giá:	2. Mã khách hàng:
3. Trường đoàn đánh giá:	4. Thời gian đánh giá:
5. Chuyên gia đánh giá:	

6. Nội dung và kết quả đánh giá:

Nội dung	Yêu cầu	Loại phát hiện				Diễn giải phát hiện (nếu có)
		NC nặng	NC	OB	Phù hợp	
a) Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm)						
Kiểm tra nội dung yêu cầu tiêu chuẩn cơ sở:	Nội dung tiêu chuẩn cơ sở tối thiểu cần (tham khảo Thông tư 21/2007/TT-BKHCN): a) Mục lục; b) Phần thông tin mở đầu – Phạm vi áp dụng; c) Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm; d) Nội dung ghi nhãn: Việc ghi nhãn phải tuân thủ các yêu cầu trong Quy chuẩn QCVN 01:2017/BCT và Nghị định 43/2017/ND-CP; e) Thông tin bổ sung như: Hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn (nếu có);					
b) Kiểm soát chất lượng nguyên liệu nhập						
Kiểm soát việc nhập nguyên liệu:	Nguyên liệu nhập khẩu, mua từ các nhà sản xuất trong nước hay công ty tự tiến hành sản xuất nguyên liệu; các giấy tờ liên quan đến nguyên liệu nếu có (CO, CA, vận đơn, hoá đơn, hợp đồng mua bán). Các yếu tố kỹ thuật được căn cứ theo hợp đồng mua bán, căn cứ theo tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào, căn cứ theo thoả thuận					

BM12-QT-09-03
GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Nội dung	Yêu cầu	Loại phát hiện				Diễn giải phát hiện (nếu có)
		NC nặng	NC	OB	Phù hợp	
	giữa hai bên hay căn cứ nào khác? Giới hạn về hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo có thể phát sinh trong nguyên vật liệu không? Có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm không? Khách hàng có quan tâm đến giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong nguyên liệu không? Cách thức để kiểm soát các giới hạn này?					
c) Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm.						
Quá trình kiểm soát nguyên liệu đầu vào cho sản xuất:	Việc kiểm soát nguyên liệu đầu vào cho sản xuất cần phải thực hiện theo các bước trình tự như sau: - Kiểm soát chủng loại nguyên liệu; - Kiểm soát quá trình tiếp nhận nguyên liệu (số lượng, ai thực hiện, hình thức thực hiện như thế nào?). - Có ghi nhận thông tin xuất, nhập nguyên liệu không?					
Các công đoạn trong quá trình sản xuất:	Chuyên gia cần miêu tả chi tiết quá trình nhuộm, cách thức kiểm soát hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm. Chuyên gia đánh giá cần xác định rõ công đoạn nào? Nguyên nhân phát sinh là gì? - Đối với quá trình sản xuất không phát sinh hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo: Chuyên gia cần miêu tả quy trình sản xuất, cách thức kiểm soát hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm (nếu có). Các quá trình này phải được theo dõi và ghi lại các thông số kỹ					

BM12-QT-09-03
GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Nội dung	Yêu cầu	Loại phát hiện				Diễn giải phát hiện (nếu có)
		NC nặng	NC	OB	Phù hợp	
	thuật cần thiết, kết hợp với việc kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của bán thành phẩm hoặc thành phẩm. Chuyên gia cần kiểm tra nhất ký sản xuất/hồ sơ lưu của khách hàng.					
d) Kiểm soát chất lượng bán thành phẩm và thành phẩm.						
<i>Kiểm soát chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm theo TCCS:</i>	- Có quy định về mức chất lượng cho bán thành phẩm hay không? Hình thức kiểm tra như thế nào? - Chất lượng thành phẩm trước khi xuất xưởng có được phân tích từng lô hàng để kiểm soát giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm? - Hoạt động kiểm soát chất lượng thành phẩm được thực hiện như thế nào: - Ký hợp đồng và phân tích các lô hàng với phòng thí nghiệm đăng ký hoạt động theo nghị định 107/2016/NĐ-CP? - Phân tích tại phòng thí nghiệm nội bộ, phòng thí nghiệm có đầy đủ năng lực phân tích không?					
đ) Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm.						
<i>Kiểm soát thiết bị sản xuất và thiết bị đo kiểm:</i>	Các máy móc thiết bị sản xuất có được bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra thường xuyên không? Có lưu hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị không? Đối với các thiết bị liên quan đến kiểm soát chất lượng (cân, thiết bị đo thể tích, nhiệt kế...), thiết bị của phòng thử nghiệm (nếu có), liên quan đến an toàn (lò hơi, thiết bị áp lực, bình phản ứng, ...) có được kiểm định/ hiệu chuẩn không? Đơn vị thực hiện, thời gian hiệu lực của giấy kiểm định/hiệu chuẩn.					

BM12-QT-09-03
GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Nội dung	Yêu cầu	Loại phát hiện				Diễn giải phát hiện (nếu có)
		NC nặng	NC	OB	Phù hợp	
e) Kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật	Chuyên gia đánh giá cần ghi chép chi tiết về hoạt động kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị.					
	Chuyên gia đánh giá xem xét hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất để khẳng định các yêu cầu về tay nghề.					
	Kiểm tra hồ sơ về huấn luyện an toàn lao động, PCCC cho người lao động.					
f) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.						
Thông tin về pháp lý:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có lĩnh vực, ngành nghề phù hợp không? Có tuân thủ các yêu cầu theo quy định của địa phương về quy hoạch ngành dệt may không?					
Công tác bảo vệ môi trường:	Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/ cam kết bảo vệ môi trường chưa, đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công tác giám sát môi trường thường xuyên không?					
Hoạt động phòng cháy chữa cháy	Hệ thống phòng cháy chữa cháy có được đầu tư phù hợp, đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy thường xuyên không?					

BM12-QT-09-03
GHI CHÉP ĐÁNH GIÁ HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Nội dung	Yêu cầu	Loại phát hiện				Diễn giải phát hiện (nếu có)
		NC nặng	NC	OB	Phù hợp	
Ghi nhận sản phẩm:	Đối với sản phẩm là thành phẩm ngành dệt may: Các nội dung yêu cầu bắt buộc về ghi nhận: a) Thành phẩm hoặc thành phẩm định lượng; b) Thông số kỹ thuật; c) Thông tin cảnh báo; d) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; đ) Năm sản xuất.					
Các yêu cầu khác:	Việc hành động khắc phục, phòng ngừa và kiểm soát sự không phù hợp....					

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ

BM13-QT-09-03
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

Báo cáo số:

Tổ chức chứng nhận:		Ngày đánh giá:
Địa chỉ:		
Tiêu chuẩn đánh giá:		
Loại hình đánh giá (lần đầu/ giám sát):		
NỘI DUNG KHÔNG PHÙ HỢP		
Loại lỗi:	2	Chuyên gia đánh giá:
NGUYÊN NHÂN		
HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC		
Ngày hoàn thành:	Đại diện có thẩm quyền:	
BẢNG CHỨNG KÈM THEO		
KIỂM TRA HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC		
☐ Chấp nhận		☐ Không chấp nhận

BM13-QT-09-03
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

Nhận xét:

Ngày:

Chuyên gia:



BM14-QT-09-03
BIÊN BẢN KIỂM TRA TẠI CHỖ VÀ LẤY MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

BIÊN BẢN KIỂM TRA TẠI CHỖ VÀ LẤY MẪU

Mã hồ sơ:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức sản xuất/ nhập khẩu:
2. Nơi sản xuất: Ghi Địa chỉ (nếu tự sản xuất); Ghi rõ Tên đơn vị gia công + Địa chỉ (nếu thuê gia công). Đối với hàng nhập khẩu ghi "Hàng nhập khẩu".
3. Địa điểm kiểm tra tại chỗ và lấy mẫu: Ghi Kho thành phẩm; Hoặc Kho thành phẩm + địa chỉ (nếu địa chỉ kho thành phẩm khác địa chỉ sản xuất); Hoặc Dây chuyền sản xuất; Hoặc Cửa hàng đại lý + địa chỉ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TẠI CHỖ

1. Yêu cầu kiểm tra:
2. Phương tiện kiểm tra:
3. Kết quả kiểm tra tại chỗ:
 - a. Sự phù hợp của sản phẩm so với hồ sơ đăng ký:
 - b. Tình trạng bao gói, ghi nhãn, bảo quản
 - Trình trạng bao gói:
 - Tình trạng ghi nhãn:
 - Tình trạng bảo quản:
 - c. Các nội dung kiểm tra khác:
4. Nhận xét, kiến nghị:
 - a. Nhận xét:
 - b. Kiến nghị: Lấy mẫu để phục vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp

III. KẾT QUẢ LẤY MẪU

1. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận:
2. Mô tả dạng bao gói, tình trạng ngoại quan:
 - Bao gói:
 - Tình trạng ngoại quan:
3. Phương pháp lấy mẫu: Ngẫu nhiên, điển hình
4. Kết quả lấy mẫu:
Cách thức lấy mẫu:

STT	Sản phẩm được đánh giá			Lô sản xuất/ Ký hiệu	Số lượng mẫu	Tem niêm phong
	Loại sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Màu sắc			
1.						
2.						
3.						

Mô tả phương án lấy mẫu:

BM14-QT-09-03
BIÊN BẢN KIỂM TRA TẠI CHỖ VÀ LẤY MẪU

5. Khách hàng lưu mẫu: ☐ Có ☐ Không
6. Yêu cầu thử nghiệm (Tiêu chuẩn, Quy chuẩn):
7. Các yêu cầu khác:

Biên bản này đã được các bên thông qua và thống nhất nội dung trước khi ký.

....., ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG
(ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY MẪU
(ký, ghi rõ họ tên)

BM15-QT-09-03
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

....., ngày tháng năm Từ số: Số báo cáo:

1. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị:

Địa chỉ:

Người liên hệ: Số điện thoại:

Người đại diện: Chức vụ:

Loại hình đánh giá:

- ☐ Đánh giá lần đầu
- ☐ Đánh giá giám sát lần ...
- ☐ Đánh giá lại
- ☐ Đánh giá mở rộng
- ☐ Đánh giá chuyển đổi

Thời gian đánh giá:

2. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN

TT	Tên sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật		Tiêu chuẩn đánh giá
		Ký hiệu	Đặc trưng	
1				
2				

3. THÀNH PHẦN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

- Ông: Vị trí:
- Ông: Vị trí:

4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Số điểm không phù hợp nặng	
Số điểm không phù hợp nhẹ	
Số điểm kiến nghị cải tiến	

5. NHẬN XÉT

BM15-QT-09-03
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

Trưởng đoàn nêu nhận xét chung và kiến nghị đối với khách hàng nếu có.

.....

.....

.....

.....

.....

6. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Chọn 1 trong 3 nội dung sau

- ☐ Không có điểm không phù hợp nào được phát hiện, kiến nghị TTP cấp chứng chỉ nếu kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu

☐ Có một số điểm không phù hợp nhẹ được phát hiện, kiến nghị TTP cấp chứng chỉ nếu

- a) Kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu

- b) Doanh nghiệp khắc phục hoặc có kế hoạch khắc phục các điểm nêu trên và thông báo cho TTP bằng văn bản trong vòng 60 ngày

☐ Có sự không phù hợp nặng được phát hiện. Đề nghị doanh nghiệp khắc phục các điểm không phù hợp nêu trong báo cáo và thông báo bằng văn bản cho TTP trong thời gian không quá 60 ngày để thẩm tra hành động khắc phục tại cơ sở

7. KIẾN NGHỊ CỦA KHÁCH HÀNG

.....

.....

.....

.....

.....

... .., ngày... ..tháng.....năm 20..

Tổ chức được đánh giá

Trưởng đoàn đánh giá
/Lead Auditor



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

PHIẾU MÃ HÓA MẪU THỬ NGHIỆM

Mã hồ sơ:

1. Chi tiết mã hóa mẫu:

STT	Tên sản phẩm	Tem niêm phong ban đầu	Tem mã hóa	Yêu cầu phân tích (Tiêu chuẩn, chỉ tiêu ..)
1.				
2.				
3.				

2. Nội dung khác:

....., ngày ... tháng năm

NGƯỜI MÃ HÓA

(ký, ghi rõ họ tên)

BM17-QT-09-03
PHIẾU BÀN GIAO MẪU VÀ YÊU CẦU THỬ NGHIỆM



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

PHIẾU BÀN GIAO MẪU VÀ YÊU CẦU THỬ NGHIỆM

Mã hồ sơ:

1. Bên bàn giao: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP

Người bàn giao: Chức vụ

2. Bên nhận bàn giao:

Người nhận bàn giao: Chức vụ

3. Chi tiết mẫu bàn giao:

STT	Tên hàng/ mẫu	Tem mã hóa	Số lượng/ Khối lượng	Chỉ tiêu yêu cầu phân tích	Phương pháp thử
1.					
2.					
3.					

4. Yêu cầu khác:

....., ngày ... tháng năm

BÊN BÀN GIAO

(ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN BÀN GIAO

(ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MẪU THỬ NGHIỆM

Mã hồ sơ:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sản phẩm:
2. Nhãn hiệu:
3. Tổ chức sản xuất/ nhập khẩu:
4. Căn cứ đánh giá (*Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Thông tư, ...*):
5. Biên bản lấy mẫu số: ngày
6. Phiếu kết quả thử nghiệm:
- Số: ngày Của

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức yêu cầu/ (Tiêu chuẩn cơ sở TCCS)	Đánh giá
1.					
2.					
3.					

- ☐ Mẫu thử phù hợp với (*Tiêu chuẩn/Quy chuẩn, Thông tư, ...*):
- ☐ Mẫu thử không phù hợp với (*Tiêu chuẩn/Quy chuẩn, Thông tư, ...*):
Đối với các chỉ tiêu:
 - (1)
 - (2)

2. Kiến nghị

- ☐ Đủ điều kiện chứng nhận
- ☐ Không đủ điều kiện chứng nhận vì có (các) chỉ tiêu thử nghiệm không phù hợp như nêu tại mục 1, đề nghị Tổ chức được đánh giá chứng nhận khắc phục và thông báo bằng văn bản cho TTP trong vòngngày để tổ chức đánh giá, lấy mẫu thử nghiệm lại.

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

CHUYÊN GIA KỸ THUẬT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Thực hiện Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP đã đánh giá chứng nhận ban đầu/mở rộng/Giám sát lần ... đối với (các) sản phẩm:, mã hồ sơ của Quý khách hàng từ ngày... đến ngày.....

Trên cơ sở đánh giá kết quả mẫu thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được chỉ định, TTP kính thông báo đến Quý Công ty như sau:

Thông tin sản phẩm	Chỉ tiêu	Kết quả	Yêu cầu của	Kết luận

TTP kính thông báo đến Quý Công ty được biết. Đề nghị Quý Công ty có biện pháp khắc phục, phòng ngừa và thông báo lại cho TTP trong vòng ... ngày kể từ ngày ra thông báo này để chúng tôi sớm có kế hoạch lấy mẫu lần 2, thử nghiệm lại đối với sản phẩm nêu trên.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

Công ty

Lucy: ...

BÁO CÁO THẨM XÉT HỒ SƠ CHỨNG NHẬN PHƯƠNG THỨC 5

Lần thẩm xét:

Mã hồ sơ:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Phạm vi chứng nhận:
4. Nhãn hiệu thương mại:
5. Tiêu chuẩn/Quy chuẩn/Thông tư/... áp dụng:
6. Thời gian đánh giá: Từ ngày
7. Mục đích: ☐ Chứng nhận ☐ Giám sát ☐ Đánh giá lại ☐ Khác:
8. Nội dung và kết quả thẩm xét:

TT	Nội dung thẩm xét	Kết quả		Ghi chú
		PH	KPH	
1	Tính đầy đủ của hồ sơ			
2	Quá trình triển khai so với Quy trình			
3	Nội dung ghi chép, báo cáo, biên bản, ...			
4	Những cán bộ, chuyên gia thực hiện công việc			
5	Việc sử dụng thầu phụ (nếu có)			
6	Bảng chứng về IĐKP của khách hàng (nếu có)			
7	Công tác lấy mẫu, kết quả thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm			
8	Kết quả đánh giá và kiến nghị			
9	Khác:			

9. Kiến nghị:

- ☐ Hồ sơ, kết quả đánh giá đầy đủ, kính đề nghị Lãnh đạo.....
- ☐ Yêu cầu Đoàn đánh giá khắc phục các tồn tại nêu ở mục và chuyển hồ sơ cho Bộ phận kỹ thuật để thẩm xét lại.

....., ngày ... tháng ... năm 20....

Phòng kỹ thuật

❖ Ý KIẾN CỦA BAN THẨM XÉT

- ☐ Cấp
- ☐ Đình chỉ tạm thời Giấy chứng nhận
- ☐ Thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận
- ☐ Kiến nghị khác.....

....., ngày ... tháng ... năm 20....

Ban thẩm xét

BÁO CÁO THẨM XÉT HỒ SƠ CHỨNG NHẬN PHƯƠNG THỨC 7

Lần thẩm xét:

Mã hồ sơ:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Phạm vi chứng nhận:
4. Nhân hiệu thương mại:
5. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn/ Thông tư/ ... áp dụng:
6. Thời gian đánh giá:
7. Mục đích: ☐ Chứng nhận ☐ Khác:
8. Nội dung và kết quả thẩm xét:

TT	Nội dung thẩm xét	Kết quả		Ghi chú
		PH	KPH	
1	Tính đầy đủ của hồ sơ			
2	Quá trình triển khai so với Quy trình			
3	Nội dung ghi chép, báo cáo, biên bản, ...			
4	Những cán bộ, chuyên gia thực hiện công việc			
5	Việc sử dụng thầu phụ (nếu có)			
6	Bảng chứng về HĐKP của khách hàng (nếu có)			
7	Công tác lấy mẫu, KQTN và đánh giá KQTN			
8	Kết quả đánh giá và kiến nghị			
9	Khác:			

9. Kiến nghị:

- ☐ Hồ sơ, kết quả đánh giá đầy đủ, kính đề nghị Lãnh đạo.....
- ☐ Yêu cầu Đoàn đánh giá khắc phục các tồn tại nêu ở mục và chuyển hồ sơ cho Bộ phận kỹ thuật để thẩm xét lại.

....., ngày ... tháng ... năm 20....

Bộ phận kỹ thuật

❖ Ý KIẾN CỦA BAN THẨM XÉT

- ☐ Cấp
- ☐ Không phù hợp
- ☐ Kiến nghị khác.....

....., ngày ... tháng ... năm 20....

Ban thẩm xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-TTP

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

Thực hiện Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP đã đánh giá chứng nhận/ Giám sát Lần thứ ... (Đối với PT5) sau chứng nhận đối với (các) sản phẩm: mã hồ sơ của Quý khách hàng từ ngày... đến ngày.....

Thông tin hàng hóa như sau (Đối với PT17):

Trên cơ sở kết quả đánh giá và báo cáo thực hiện hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp (nếu có) của Quý khách hàng và kết quả thử nghiệm mẫu (lần 1, lần 2), TTP kính thông báo đến Quý khách hàng đối với (các) sản phẩm không đủ điều kiện chứng nhận tại thời điểm đánh giá với lý do sau:

- Kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu TCVN/QCVN.....
- Hành động khắc phục không đáp ứng yêu cầu.

Vậy, TTP kính thông báo đến Quý khách hàng được biết.

Trên trong!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

Công ty:

Line: ...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTP , ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;

Căn cứ Thông tư 21/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2017/BCT về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may;

Căn cứ Quyết định 2533/QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc chỉ định tổ chức chứng nhận/ giám định sản phẩm dệt may;

Căn cứ báo cáo đánh giá chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận: Sản phẩm dệt may của:

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ trụ sở:

Địa chỉ nhà máy:

Có sản phẩm hàng hóa sau đây phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2017.

STT	Tên sản phẩm	Thành phần (Thông tin do khách hàng cung cấp)	Nhãn hiệu (Nếu có)
1.			
2.			

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 (quy định tại Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ban hành ngày 12/12/2012 và sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

BM23-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN PT5

Điều 2. Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận hợp quy (CR) trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Điều 1 trong thời gian chứng nhận có hiệu lực quy định tại Điều 4.



Điều 3. Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của TTP cũng như của luật định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 20... đến ngày ... tháng ... năm 20... với điều kiện đơn vị được chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu về đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng/1 lần bởi TTP nếu không chứng chỉ đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu CD



BM24-QT-09-03

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Sản phẩm/.....

Danh mục sản phẩm được chứng nhận xem tại Quyết định số:

The list of products is certified in the Decision No.

Được sản xuất bởi/ *Manufactured by:*

TÊN CÔNG TY TIẾNG VIỆT

TÊN CÔNG TY TIẾNG ANH

Địa chỉ/ *Address:*

Địa chỉ tiếng việt

Địa chỉ tiếng anh

Phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia

Complies with the requirements of the National Technical Regulation

QCVN 01:2017/BCT

Được phép sử dụng dấu hợp quy/ *And approved to bear Certification mark*



Phương thức chứng nhận/ *Mode of certification:*

Phương thức 5 – Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và sửa đổi, bổ sung

Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học Công nghệ

Mode 5 - Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 amending and supplementing Circular 02/2017/TT-BKHCN dated March 31, 2017 of the Ministry of Science and Technology

Chứng chỉ số/ *Certificate No:*

Ngày cấp/ *First Date of Issue:* .../.../20...

Ngày hết hạn/ *Expiry date:* .../.../20...

Đại diện TTP/ *On behalf of TTP*

Giám đốc/ *Director*

LÊ HOÀNG NHẬT LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP (TTP Certification And Inspection Joint Stock Company)

9 Số 298 Phố Mai An Tuấn, Phường Thanh Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

☎ http://tppcert.com.vn ✉ ttp@tppcert.com.vn ☎ 024 3225 2616

BM25-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN PT7

Đánh giá theo phương thức 7 của Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ban hành ngày 12/12/2012 và sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học Công nghệ.

Điều 2. Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận hợp quy (CR) trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Điều 1 trong thời gian chứng nhận có hiệu lực.



Điều 3. Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của TTP cũng như của luật định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 20... và chỉ có giá trị cho lô hàng hóa có thông tin theo Điều 1.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu CD

BM26-QT-09-03
GIẤY CHỨNG NHẬN PT7

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP
TTP CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số:.....

Ngày: .../.../20...

Chứng nhận sản phẩm:

TÊN SẢN PHẨM

TT	Quy cách khai báo	Số lượng	Xuất xứ
1.			
2.			

Thuộc bộ hồ sơ:

Hợp đồng (Contract) số:

Hóa đơn (Invoice) số:

Vận đơn (Bill of Lading) số:

Tờ khai hải quan số:

Đơn vị sản xuất/ Đơn vị nhập khẩu:

TÊN CÔNG TY

Địa chỉ:

Được Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP đánh giá chứng nhận phù hợp Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 01:2017/BCT.

Và được phép sử dụng dấu hợp quy (CR)



BM26-QT-09-03
GIẤY CHỨNG NHẬN PT7

Phương thức chứng nhận: Phương thức 7
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học Công nghệ)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH TTP**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Thực hiện Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP và hợp đồng số ngày giữa Quý Công ty và TTP, nay TTP thông báo Kế hoạch giám sát duy trì chứng nhận hợp quy lần thứ ... đối với sản phẩm, mang mã số: phù hợp TCVN/QCVN của Quý Công ty đã được chứng nhận như sau:

- Chi phí đợt giám sát lần ... theo hợp đồng là: Chi phí trên **đã bao gồm** chi phí đi lại, thực hiện đánh giá, lấy mẫu, và thuế GTGT nhưng **không bao gồm** chi phí thử nghiệm mẫu, thăm tra hành động khắc phục (nếu có), chi phí lấy mẫu, thử nghiệm lại trong trường hợp kết quả thử nghiệm lần đầu không phù hợp.

Kính đề nghị Quý Công ty chuẩn bị các điều kiện phục vụ đánh giá (tài liệu, hồ sơ, sản phẩm, ...) và bằng chứng về việc thực hiện các hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp được phát hiện trong lần đánh giá trước (nếu có).

Nếu đến ngày quý Công ty không có phản hồi hoặc không tạo điều kiện để TTP tiến hành giám sát sau chứng nhận thì TTP sẽ đình chỉ tạm thời các giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận nêu trên theo đúng quy định nội dung, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy của TTP và thông báo đến Sở ..., Chi cục Tỉnh được biết việc thu hồi/ đình chỉ Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận này.

Mọi ý kiến về việc thay đổi Kế hoạch giám sát đề nghị Quý khách hàng vui lòng thông báo trước ngày cho TTP theo số điện thoại:

GIÁM ĐỐC

Lira

BM28-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTP , ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ tạm thời hiệu lực chứng nhận

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

Căn cứ Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;

Căn cứ vào Hợp đồng số ngày giữa Công ty ... và TTP;

Căn cứ Quyết định số: ngày .../.../... về việc cấp Giấy chứng nhận mang mã số: và Dấu chứng nhận phù hợp QCVN/TCVN ... cho Công ty;

Căn cứ Thông báo kế hoạch giám sát số: ... ngày của TTP cho Công ty ...

Căn cứ Thông báo/Công văn số: ngày .../.../... của Công ty về việc (nếu có);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận thuộc TTP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ tạm thời hiệu lực của Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận phù hợp TCVN/QCVN, mang Mã số/ (có giá trị từ ngày đến ngày) kèm theo Quyết định số ngày của TTP về việc cấp Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận đối với sản phẩm: đã cấp cho Công ty (địa chỉ:...) ./

Lý do đình chỉ:

Điều 2. Trong thời gian đình chỉ, Công ty không được phép sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận mà Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP đã cung cấp.

Điều 3. Yêu cầu Công ty..... sắp xếp và trả lời bằng văn bản tới Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP trước ngày .../.../20..... Nếu Công ty không có phản hồi chính thức nào, chúng tôi sẽ xem xét thu hồi và hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận nêu tại Điều 1 của quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày

Điều 5. Trưởng phòng Chứng nhận thuộc TTP, Công ty, các phòng và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

Công ty

Lưu:

BM29-QT-09-03
QUYẾT ĐỊNH THU HỒI, HỦY BỎ HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ GIÁM ĐỊNH TTP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTP

....., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi và hủy bỏ hiệu lực chứng nhận

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP

Căn cứ Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP;

Căn cứ vào Hợp đồng số ngày giữa Công ty ... và TTP;

Căn cứ Quyết định số: ngày .../.../... về việc cấp Giấy chứng nhận mang mã số: và Dấu chứng nhận phù hợp QCVN/TCVN ... cho Công ty;

Căn cứ Thông báo kế hoạch giám sát số: ... ngày của TTP cho Công ty ...

Căn cứ Thông báo/Công văn số: ngày .../.../... của Công ty về việc (nếu có);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận thuộc TTP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi và hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận phù hợp TCVN/QCVN, mang Mã số/ (có giá trị từ ngày đến ngày) kèm theo Quyết định số ngày của TTP về việc cấp Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận đối với sản phẩm: đã cấp cho Công ty (địa chỉ:...)/

Lý do thu hồi và hủy bỏ:

Điều 2. Công ty phải:

- Ngừng sử dụng Quyết định chứng nhận, Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận nói trên dưới mọi hình thức từ ngày Quyết định này có hiệu lực;
- Hoàn trả lại cho TTP Quyết định chứng nhận và Giấy chứng nhận đã có quyết định thu hồi và hủy bỏ.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận thuộc TTP, Công ty, các phòng và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

Công ty

Lưu:

MẪU TEM NIÊM PHONG

1. MẪU TEM NIÊM PHONG CỦA TTP (Chữ trắng trên nền màu xanh da trời)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ
GIÁM ĐỊNH TTP
TTP-XXXXX.YY

2. CÁC NỘI DUNG TRONG TEM NIÊM PHONG

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH TTP:** Tên công ty TTP
- **TTP:** Ký hiệu của TTP;
- **XXXXX:** Số lũy tiến của tem niêm phong từ 00001 – 99999;
- **YY:** Ký hiệu năm sử dụng tem niêm phong, sử dụng 02 số cuối của năm dương lịch. Ví dụ 2021 = 21, 2022 = 22.

3. QUY ĐỊNH VỀ CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG TEM NIÊM PHONG

Được quy định riêng tại quy định sử dụng tem niêm phong của TTP.

BM31-QT-09-03
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Kính gửi:

MẪU DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Giấy chứng nhận số, có hiệu lực từ ngày .../.../20.. đến ngày .../.../20..)



Hình 1: Mẫu dấu hợp quy thể hiện bằng màu xanh



Hình 2: Mẫu dấu hợp quy được thể hiện bằng màu đen

Chú thích:

- TTPCERT: sử dụng font là Helvetica và chiều cao chữ là 2a;
- YY.XXXXX.PTX/TTP và QCVN 01:2017/BCT: sử dụng font là Helvetica và chiều cao chữ là 1a;
- Bề rộng nét của dấu CR: 1,5a;
- Bề rộng nét của khung bao ngoài dấu CR: 0,25a;
- Bề rộng nét của dấu gạch ngang ngăn cách “Mã số chứng nhận: YY.XXXXX.PTX/TTP” và “QCVN 01:2017/BCT”: 0,25a;
- Với $a = 1/17$ kích thước một cạnh của dấu (viền bao của dấu là hình vuông).

BM32-QT-09-03
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

Kính gửi:

MẪU DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Giấy chứng nhận số, có hiệu lực từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)



Hình 1: Mẫu dấu hợp quy thể hiện bằng màu xanh



Hình 2: Mẫu dấu hợp quy được thể hiện bằng màu đen

Chú thích:

- TTPCERT: sử dụng font là Helvetica và chiều cao chữ là 2a;
- YY.XXXXX.PTX/TTP và QCVN 01:2017/BCT: sử dụng font là Helvetica và chiều cao chữ là 1a;
- Bề rộng nét của dấu CR: 1,5a;
- Bề rộng nét của khung bao ngoài dấu CR: 0,25a;
- Bề rộng nét của dấu gạch ngang ngang cách “Mã số chứng nhận: YY.XXXXX.PTX/TTP” và “QCVN 01:2017/BCT”: 0,25a;
- Với $a = 1/17$ kích thước một cạnh của dấu (viền bao của dấu là hình vuông).

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG
GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ DẤU CHỨNG NHẬN HỢP QUY

1. Quy định Dấu chứng nhận hợp quy

- a. **Màu sắc:** Màu xanh đậm như bản in trên Giấy chứng nhận hợp quy do Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP cấp.

Trường hợp sử dụng màu đen thì phải đảm bảo là màu đen đậm.

- b. **Kích thước:** kích thước cơ bản của Dấu hợp quy do Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP cấp là: (25 x 25) mm.

Riêng chữ "CR" theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017. Có thể tăng giảm kích thước nhưng phải đảm bảo về tỉ lệ thích hợp.

- c. **Kiểu chữ in trong dấu hợp quy:** chữ TTPCERT và Số là kiểu Helvetica, in đậm.

- d. **Mẫu dấu:** tùy thuộc phương thức chứng nhận, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP sẽ in mẫu dấu hợp quy (bao gồm số tem hợp quy) thích hợp kèm theo Giấy chứng nhận khi cấp cho Tổ chức được chứng nhận (nếu khách hàng có nhu cầu). Hình dạng, màu sắc của dấu hợp quy phải được thể hiện như **Hình 1** (trong trường hợp in màu xanh) hoặc **Hình 2** (trong trường hợp in đen đậm) và kích thước như **chú thích**.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP

- a. Khi sản phẩm, hàng hóa của Tổ chức được Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP chứng nhận, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP có trách nhiệm cấp Dấu hợp quy kèm theo Giấy chứng nhận và văn bản Quy định sử dụng này.
- b. Trường hợp Tổ chức được chứng nhận có nhu cầu cấp tem hợp quy để dán/gắn lên sản phẩm, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP chỉ cấp khi có đề nghị của Tổ chức (theo Biểu đề nghị của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP).
- c. Hướng dẫn cho Tổ chức được chứng nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy đúng quy định.
- d. Thu hồi/yêu cầu Tổ chức được chứng nhận hủy bỏ Dấu hợp quy đã cấp nếu sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận không đảm bảo yêu cầu chứng nhận. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP có quyền báo cáo cơ quan chức năng để giải quyết.

3. Trách nhiệm của Tổ chức có sản phẩm, hàng hóa được Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP chứng nhận hợp quy.

a. Yêu cầu chung

- Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy được phép trình bày ở dạng sau:
 - + Trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì, nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa.
 - + In trong tài liệu kỹ thuật kèm theo hay tài liệu giới thiệu sản phẩm.
 - + In trên tài liệu quảng cáo tờ rơi, trên các thông tin đại chúng,...
- Dấu hợp quy phải được thể hiện sao cho:
 - + Phải đảm bảo vị trí thể hiện sao cho dễ thấy, dễ đọc.
 - + Dấu hợp quy được sử dụng trên các tiếp đầu thư.

BM32-QT-09-03
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY SẢN PHẨM DỆT MAY

+ Đảm bảo giữ được bền màu và rõ ràng trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm, hàng hóa, không dễ bị tẩy xóa.

+ Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo tỉ lệ, hình dáng như đã quy định.

b. Yêu cầu về sử dụng

- Không được sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy theo cách thức có thể dẫn đến sự hiểu nhầm của cơ quan quản lý, khách hàng, người tiêu dùng hoặc làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.
- Bất kỳ tổ chức nào sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP một cách bất hợp pháp đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Không in, dán/gắn Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy đã cấp cho bất kỳ sản phẩm, hàng hóa không thuộc phạm vi chứng nhận.
- Khi có yêu cầu của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP (vì lý do không đáp ứng yêu cầu chứng nhận), phải ngừng sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy dưới mọi hình thức (quảng cáo, in trên sản phẩm, hàng hóa, bao bì sản phẩm, hàng hóa,...) và thực hiện các biện pháp cần thiết để loại bỏ Giấy chứng nhận và Dấu hợp quy trên sản phẩm, hàng hóa còn tồn kho hoặc lưu thông trên thị trường.
- Khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận, phải ngừng tất cả các công bố hoặc quảng cáo có viển dẫn đến kết quả chứng nhận theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP.

